

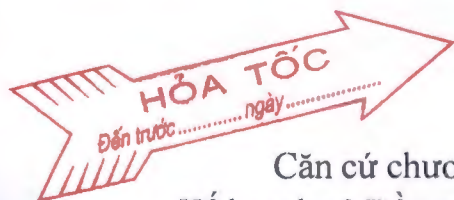
Số: **8072**/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày **29** tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025**

Kính gửi: Chính phủ



Căn cứ chương trình Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện giữa kỳ Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025 như sau:

### **Phần thứ nhất**

## **DÁNH GIÁ GIỮA KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2021-2026 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

### **I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

#### **1. Bối cảnh thế giới**

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nhận định: “Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”. Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nước ta bước vào thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 05 năm 2021-2025 trong bối cảnh thế giới và khu vực có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; khó khăn nhiều hơn thuận lợi; nhiều thách thức mới xuất hiện, gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo, đã ảnh hưởng sâu, rộng đến các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam và rất khó dễ thích ứng, ứng phó kịp thời. Điều này đã tạo áp lực rất lớn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển KTXH 05 năm và hàng năm.

Hoà bình, hợp tác, hội nhập phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng gặp nhiều thách thức. Đại dịch COVID-19 gây hậu quả nặng nề, kéo dài, tác động đến mọi mặt đời sống, kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia. Cạnh tranh chiến lược của các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện, gia tăng mức độ đối đầu, xu hướng tập hợp lực lượng, phân tuyến, phân cực ngày càng rõ nét. Xung đột Nga - Ucraina căng thẳng kéo dài, làm đứt gãy, gián đoạn các chuỗi cung ứng, đồng thời làm sâu sắc, phức tạp thêm xu hướng cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế cũng như các vấn đề an ninh năng lượng, an ninh lương thực. Tình hình các nền kinh tế lớn biến động nhanh trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng cao<sup>1</sup>; chính sách tiền tệ đảo chiều, từ nới lỏng sang thắt chặt, tăng lãi suất tại nhiều quốc gia tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lớn, trong đó có các đối tác thương mại quan trọng, truyền thống của nước ta tăng trưởng chậm lại, thậm chí rơi vào suy thoái; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản gia tăng<sup>2</sup>. Tổng cầu yếu, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp lại; hàng rào bảo hộ, thương mại gia tăng. Thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra với tần suất cao hơn, gia tăng rủi ro, nguy cơ mất an ninh năng lượng, lương thực, nguồn nước... gây hậu quả nghiêm trọng tại nhiều quốc gia, khu vực; tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh chính trị, kinh tế, xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đến năng lực cạnh tranh mỗi quốc gia; tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn tiếp tục là mô hình được nhiều quốc gia lựa chọn; xây dựng nền kinh tế tự chủ là ưu tiên chiến lược của nhiều quốc gia; quan điểm xanh hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu dần trở thành xu hướng lớn, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, sản xuất, đầu tư, tiêu dùng... toàn cầu và là cơ hội cho những nước đi sau. Việc lựa chọn đầu tư, sắp xếp lại chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất toàn cầu tạo cơ hội cho Việt Nam có điều kiện tham gia sâu hơn vào cấu trúc đầu tư, trật tự thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo, thu hút hợp tác về cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường xuất khẩu...

## **2. Bối cảnh trong nước**

Ở trong nước, dưới tác động của tình hình thế giới và hậu quả nặng nề của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ... KTXH nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn chưa từng có tiền lệ, tác động nhanh, toàn diện tới hầu hết các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng; vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh, vừa phải xử lý các yếu kém, tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước để lại.

<sup>1</sup> Tháng 8/2022 so với cùng kỳ, lạm phát tại Mỹ là 8,3%, gần sát mức cao nhất trong hơn 40 năm; tại châu Âu chạm mức cao kỷ lục là 9,1%, trong đó ở Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh cao nhất trong gần 50 năm qua, Tây Ban Nha cao nhất từ giữa những năm 80 ở mức 10,4%; tại Thái Lan là 7,86%, cao nhất trong 14 năm; tại Singapore là 7,5% cao nhất trong vòng 14 năm qua...

<sup>2</sup> Một số ngân hàng Mỹ, Thụy Sĩ đổ vỡ; tập đoàn bất động sản Evergrande (Trung Quốc) phá sản, tập đoàn Country Garden (Trung Quốc) nguy cơ vỡ nợ...

Dựa trên các giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19, nền kinh tế nước ta có thể chia làm 03 giai đoạn cơ bản, đan xen giữa thuận lợi và khó khăn: **(1) giai đoạn đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh** từ năm 2020 đến tháng 10/2021, buộc chúng ta phải triển khai nhiều biện pháp “chưa từng có tiền lệ”, thực hiện phong tỏa, cách ly, giãn cách xã hội, ưu tiên bảo đảm tính mạng, sức khỏe người dân, ngăn chặn đà lây lan của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế đạt thấp; **(2) giai đoạn từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2022**, chúng ta đã kịp thời chuyển hướng chống dịch bằng biện pháp hành chính sang chống dịch bằng biện pháp khoa học (vắc-xin, thuốc), chuyển từ “phòng ngự sang tấn công”, thực hiện chiến lược vắc-xin (thành lập Quỹ vắc-xin, ngoại giao vắc-xin, chiến dịch tiêm chủng vắc-xin miễn phí cho toàn dân), ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 để từng bước mở cửa trở lại nền kinh tế, khôi phục các hoạt động kinh tế, xã hội; **(3) giai đoạn phục hồi và thích ứng với bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu mới** (tháng 3/2022 đến nay), bắt đầu từ việc chính thức mở cửa hoàn toàn ngành du lịch từ ngày 15/3/2022<sup>3</sup>, triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, đồng thời ứng phó, thích ứng với những khó khăn, thách thức mới từ bối cảnh kinh tế, chính trị toàn cầu. Theo đó, kinh tế nước ta có bước phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022, tuy nhiên chậm lại trong 8 tháng đầu năm 2023 theo đà suy giảm chung của thế giới.

Trong nửa nhiệm kỳ qua, nước ta đã tích lũy nhiều kinh nghiệm về: năng lực và khả năng kiểm soát, phòng chống dịch COVID-19, giúp đất nước trở lại trạng thái bình thường và nền kinh tế mau chóng hồi phục; khả năng điều hành, quản trị xã hội và thích nghi, ứng phó với những biến động của tình hình thế giới, khu vực được nâng lên. Nền kinh tế đang tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế, xã hội chuyển từ trạng thái thích ứng, phục hồi sang phát triển nhanh và ổn định hơn, tập trung thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng đến hoàn thành các mục tiêu phát triển của Kế hoạch 5 năm.

Xuyên suốt từ đầu nhiệm kỳ tới nay, dù trong hoàn cảnh nào, nước ta đã duy trì được sự ổn định chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát<sup>4</sup>, thúc đẩy tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo<sup>5</sup>; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, đối ngoại được đẩy mạnh, tiếp tục thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế, đầu tư, thương mại, dịch vụ, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững... Các yếu tố này đóng vai trò nền tảng quan trọng để thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH.

Đặc biệt là từ năm 2022 đến nay, nền kinh tế phải chịu “tác động kép” từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm; lạm phát thế giới tăng mạnh, duy trì ở mức cao; FED và nhiều ngân hàng trung ương tăng

<sup>3</sup> Theo Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 16/2/2022 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>4</sup> Dưới mức Trung ương, Quốc hội giao là 4%.

<sup>5</sup> “thu đủ chi, xuất đủ nhập, làm đủ ăn”, thu NSNN vượt dự toán, xuất siêu liên tiếp, an ninh lương thực được bảo đảm, Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, năm 2022 xuất khẩu nông, thủy sản đạt trên 55 tỷ USD.

lãi suất nhanh, mạnh dễ kiểm chế lạm phát; trong nước, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên ngày càng nhiều, yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao, chúng ta phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, tích tụ nhiều năm nay bộc lộ rõ hơn trong khó khăn, nhất là các hạn chế, bất cập của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản, chứng khoán, thanh khoản thị trường tiền tệ bị ảnh hưởng do ngân hàng SCB phải đưa vào diện kiểm soát đặc biệt...

Bên cạnh đó, Việt Nam đang là nền kinh tế đang phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, sức chống chịu còn hạn chế. Ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 làm gia tăng chi tiêu Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ngưng trệ, trong đó có doanh nghiệp nhà nước khiến nền kinh tế phải đối mặt với những khó khăn lớn. Đồng thời, bộc lộ rõ hơn những điểm yếu về hệ thống và lưới an sinh, sức khỏe cộng đồng, kỹ năng phòng, chống, bảo vệ chính mình của người dân trước những biến động lớn... Ngoài ra, biến động về giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao; rủi ro về chuỗi cung ứng, nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thông bị thu hẹp, suy yếu; tác động khó lường, khó dự báo từ việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển KTXH và việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

*Nhìn chung, bối cảnh thế giới và trong nước diễn biến hết sức khó khăn, phức tạp, tạo nhiều áp lực lên việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ; các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế, xã hội là rất thách thức với tính chất nhanh, mạnh, khó lường, tác động lớn và khá toàn diện, mang tính cộng hưởng; có những thời cơ, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; bên cạnh đó, khó khăn, thách thức mới xuất hiện ngày càng nhiều, gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo, cũng như so với cùng kỳ của một số nhiệm kỳ gần đây đã tác động lớn tới việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.*

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIỮA KỲ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2021-2026 THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**

### **1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện**

Với tinh thần chỉ đạo xuyên suốt là quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 nhằm thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hưởng ứng mạnh mẽ lời kêu gọi của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tất cả cùng chung tay, chủ động, quyết tâm đẩy lùi dịch bệnh, tạo điều kiện vững chắc để thực hiện phương châm “*bảo vệ sức khỏe, tính mạng nhân dân trước dịch bệnh là nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên hàng đầu; bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời các đối tượng dễ bị tổn thương, đối tượng gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh là*



*nhệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lâu dài; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, chuẩn bị kỹ các điều kiện, sẵn sàng tận dụng cơ hội để phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bền vững là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách”,* Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Hằng năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị để cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 và tập trung chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện. Trong đó, có giao nhiệm vụ, giải pháp và tiến độ thực hiện cụ thể cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Chính phủ đã tổ chức thành lập 05 Tổ công tác và 26 đoàn công tác của thành viên Chính phủ làm việc với địa phương; chỉ đạo thành lập các Tổ công tác đặc biệt của địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Tổ trưởng nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư ngay tại địa bàn.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự đồng hành, giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của Nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ và các quy định có liên quan. Phát huy vai trò, trí tuệ tập thể gắn với đề cao trách nhiệm cá nhân từng thành viên Chính phủ; giải quyết công việc theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Bám sát tình hình thực tiễn, có đối sách, giải pháp phù hợp, xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cũng đã xây dựng, ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ và tích cực triển khai, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong chương trình hành động; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra; kịp thời đề xuất, báo cáo Chính phủ điều chỉnh một số nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương đã bám sát các Nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Quốc hội để chỉ đạo sâu sát, điều hành quyết liệt, linh hoạt, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm trên tất cả các lĩnh vực, củng cố thêm niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Đồng thời, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp căn cơ trong trung và dài hạn tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tháo gỡ các rào cản, thực hiện phân cấp, phân quyền, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội để từng bước chuyển hóa thách thức thành cơ hội, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025.

## 2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện các giải pháp vừa phòng, chống dịch bệnh COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

a) Công tác phòng, chống dịch COVID-19 đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc kịp thời của cả hệ thống chính trị, sự tin tưởng, đoàn kết, ủng hộ của nhân dân. Các biện pháp phòng chống dịch được triển khai kịp thời, hiệu quả, đặc biệt đã kịp thời chuyển hướng chiến lược phòng chống dịch sang “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*” và đạt kết quả tích cực.

Ngay khi dịch bệnh mới xuất hiện tại Việt Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra phương châm “*chống dịch như chống giặc*”, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và mọi người dân, đề cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu, tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đồng bộ, phù hợp nhằm kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ tốt nhất cho an toàn sức khỏe, tính mạng của người dân. Chính phủ đã kịp thời ban hành, tập trung triển khai Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; đồng thời trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 25-KL/TW ngày 30/12/2021 về công tác phòng, chống dịch COVID-19 (2022-2023)<sup>6</sup>.

Đến nay, trên cơ sở đã kiểm soát tốt dịch bệnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo thực hiện “*mục tiêu kép*”, vừa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, vừa sẵn sàng phòng, chống dịch; tích cực xác lập và vận hành trạng thái bình thường mới cho các hoạt động kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn quốc<sup>7</sup>.

b) Đẩy mạnh triển khai chiến dịch tiêm chủng toàn quốc; huy động mọi nguồn lực cho phòng, chống dịch

Chiến lược vắc-xin được thực hiện đồng bộ, hiệu quả; trong đó đã thành lập Quỹ vắc-xin phòng chống COVID-19<sup>8</sup>; triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc-xin miễn phí toàn quốc<sup>9</sup>. Chính phủ đã sớm đẩy mạnh chủ trương ngoại giao vắc-xin, quyết định thành lập Tổ công tác của Chính phủ về ngoại giao vắc-xin để đạt được “số lượng vắc-xin nhanh nhất và nhiều nhất có thể”. Tính đến tháng 12/2022,

<sup>6</sup> Trong 02 năm 2021-2022, đã xuất cấp hàng DTQG cho các địa phương để phòng chống dịch Covid-19 tổng giá trị khoảng 1.682 tỷ đồng (trong đó: năm 2021 là 1.658 tỷ đồng; năm 2022 là 24 tỷ đồng).

<sup>7</sup> Đến nay, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã kịp thời ban hành 237 văn bản liên quan đến công tác phòng, chống dịch COVID-19, Bao gồm: 06 Luật, 01 Pháp lệnh, 02 Nghị quyết của Quốc hội, 02 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 07 Nghị quyết của Chính phủ, 03 Nghị định của Chính phủ, 10 Quyết định của Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, 03 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 11 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế, 43 Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, 11 Công điện, công văn của Ban chỉ đạo Quốc gia; 136 công văn của Bộ Y tế.

<sup>8</sup> Đến ngày 30/6/2023, đã huy động được khoảng 10,81 nghìn tỷ đồng nhằm phục vụ cho hoạt động mua, nhập khẩu vắc xin, nghiên cứu, sản xuất vắc xin trong nước.

<sup>9</sup> Đến ngày 19/10/2021, đã tiếp nhận 97,5 triệu liều vắc-xin đã phân bổ 95,5 triệu liều và tiêm được trên 65,7 triệu liều (tỷ lệ tiêm ít nhất 1 mũi cho người từ 18 tuổi trở lên tính trung bình là 63,5%), tập trung cho các đối tượng và địa bàn ưu tiên.

Việt Nam đã tiếp nhận hơn 261,735 triệu liều vắc-xin COVID-19<sup>10</sup> và trang thiết bị y tế từ cơ chế COVAX và các Chính phủ<sup>11</sup>. Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 28/8/2023, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 266,5 triệu liều<sup>12</sup>.

Hỗ trợ trên 47,2 nghìn tỷ đồng<sup>13</sup> từ Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Bên cạnh đó, đồng bào trong nước và ngoài nước, cộng đồng doanh nghiệp, các nước, các tổ chức quốc tế đã tham gia phòng, chống dịch và đóng góp dưới nhiều hình thức. Nhân lực y tế từ trung ương và các địa phương, quân đội, công an đã được huy động tham gia hỗ trợ tích cực cho công tác phòng, chống dịch COVID-19<sup>14</sup>.

Trong giai đoạn 2021-2023, để chia sẻ với những khó khăn của doanh nghiệp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chính sách về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 các năm 2021, 2022 và năm 2023<sup>15</sup>.

c) Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV

Để chỉ đạo công tác phòng, chống dịch, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 đã được thành lập ở cấp quốc gia và các cấp hành chính, kịp thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt và phù hợp. Trên cơ sở diễn biến thực tế tình hình dịch bệnh qua các giai đoạn đã thực hiện các nguyên tắc phòng, chống dịch như “ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch và điều trị hiệu quả”; phương châm “4 tại chỗ”, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, áp dụng các Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020, 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 và 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nguyên tắc 5K, sau đó chuyển hướng

<sup>10</sup> Trong đó nguồn viện trợ 156,961 triệu liều, chiếm gần 60%.

<sup>11</sup> Như Pháp, Ý, Nga, Mỹ, Papua New Guinea, Nhật Bản, CH Séc, Rumania, Australia, Hungary, Đức, Bỉ, Slovakia, Trung Quốc, Cu Ba, Pháp, Italia, Ba Lan, Lit-va, Croatia, Serbia, Áo, Hy Lạp, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len,...

<sup>12</sup> Trong đó tiêm mũi 1 là 90,3 triệu liều; tiêm mũi 2 là 85,9 triệu liều; mũi bổ sung là 14,3 triệu liều; mũi nhắc lại lần 1 là 57,9 triệu liều; mũi nhắc lại lần 2 là 17,9 triệu liều.

<sup>13</sup> Các gói hỗ trợ: (1) Điều chỉnh giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của 389,8 nghìn đơn vị sử dụng lao động tương ứng với 11,6 triệu lao động với số tiền 4.164 tỷ đồng; (2) Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí tử tuất cho 2.501 đơn vị sử dụng lao động, tương ứng với 379.859 người lao động với số tiền trên 2.015,9 tỷ đồng; (3) Chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động cho 71 đơn vị sử dụng lao động để đào tạo cho 8.780 người lao động với số tiền gần 41,23 tỷ đồng; (4) Giảm đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động với khoảng 347 nghìn đơn vị sử dụng lao động với số tiền khoảng 9.209 tỷ đồng; (5) Hỗ trợ người lao động từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho 13.334.207 lao động được hỗ trợ với số tiền hơn 31.836 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Trong thời gian ngắn đã huy động, điều động một lực lượng lớn nhân lực của y tế, quân đội, công an với gần 300.000 lượt cán bộ của Trung ương và địa phương và 34 địa phương hỗ trợ cho TP. Hồ Chí Minh và các địa phương khác đang có dịch.

<sup>15</sup> Chính phủ đã có các Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021; Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 07/03/2023 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021, Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023. Riêng đối với năm 2023, căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 07/03/2023 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 175/TTr-BTC ngày 03/8/2023 trình TTgCP về việc quyết định giảm tiền thuê đất năm 2023.

“thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, thực hiện nguyên tắc “5K + vắc-xin + thuốc + công nghệ thông tin + ý thức của người dân” và từ cuối năm 2022 thực hiện nguyên tắc “2K + vắc-xin, thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân” và các biện pháp khác.

Khi đã đạt tỷ lệ bao phủ vắc-xin, nguồn cung ứng vắc-xin cơ bản đáp ứng nhu cầu, Chính phủ đã chuyển hướng sang “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” đồng thời kết hợp hài hòa giữa phòng ngự và tấn công nhằm giảm tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc, bị bệnh nặng phải nhập viện, tử vong.

d) Điều hành chính sách tài khóa chặt chẽ, chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa giữa các chính sách nhằm kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế

Hoạt động tín dụng được điều hành tăng trưởng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận tín dụng ngân hàng<sup>16</sup>.

Các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành đồng bộ, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa trong điều tiết thanh khoản để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, cung ứng đủ, kịp thời vốn cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Đồng thời, khuyến khích các TCTD tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Từ năm 2021 đến tháng 9/2022, các mức lãi suất điều hành được giữ nguyên nhằm tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường<sup>17</sup>. Từ cuối tháng 9/2022, lãi suất được điều chỉnh tăng 0,8-2%/năm trong tháng 9 và tháng 10/2022. Đây là giải pháp kịp thời, phù hợp với xu hướng chung tăng lãi suất trên toàn thế giới để ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, tạo dư địa thích ứng mới với các biến động trên thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hệ thống. Bước sang năm 2023, các mức lãi suất điều hành được điều chỉnh giảm 04 lần<sup>18</sup> trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao để hỗ trợ quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh việc điều hành lãi suất, nhiều chính sách hỗ trợ tín dụng được triển khai để kịp thời hỗ trợ cho khách hàng và nền kinh tế trong và sau dịch COVID-19 như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng... Các biện pháp này được triển khai nhanh chóng, kịp

<sup>16</sup> Năm 2021 tăng 13,61%; năm 2022 tăng 14,17%; 6 tháng đầu năm 2023 trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước khó khăn, lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, nhiều NHTW tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, mặt bằng lãi suất thế giới tiếp tục gia tăng và duy trì cao, đồng USD tiếp tục tăng giá..., nhu cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế thấp nên tốc độ tăng trưởng tín dụng không cao, chỉ đạt 4,73% (cùng kỳ năm 2022 đạt 9,35%).

<sup>17</sup> Lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của hệ thống TCTD giảm 1%/năm trong năm 2020. Năm 2021, lãi suất tiền gửi giảm 0,6%/năm và lãi suất cho vay giảm tiếp 0,8%/năm so với cuối năm 2020.

<sup>18</sup> Tổng mức giảm từ 0,5-2,0%/năm.



thời giúp các doanh nghiệp trong thời gian giãn cách ổn định hoạt động, tạo điều kiện để doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng để phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch.

Chính sách tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện vĩ mô và thị trường trong từng thời kỳ; ổn định thị trường ngoại tệ, củng cố vị thế VND, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp tục áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm, điều hành theo hướng từng bước để tỷ giá biến động linh hoạt hơn, phù hợp với điều kiện thị trường và nền tảng kinh tế vĩ mô<sup>19</sup>; qua đó, tạo cho tỷ giá có thêm dư địa hấp thu được các cú sốc từ bên ngoài, tránh gây sốc thị trường, hạn chế tâm lý, kỳ vọng thị trường.

Chính sách tài khóa được điều hành linh hoạt, hiệu quả ứng phó với dịch COVID-19, hỗ trợ kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân, đảm bảo an sinh xã hội. Công tác điều hành chi NSNN chủ động, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tập trung ưu tiên nguồn lực cho phòng, chống dịch COVID-19, kiểm soát dịch bệnh và đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân. Nhiều chính sách miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất và các khoản thu NSNN khác đã được triển khai thực hiện, cùng với các giải pháp về chi đầu tư công và nhiều giải pháp về tiền tệ, tín dụng tại Nghị quyết 43/2021/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giúp doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh tiết giảm chi phí, có thêm nguồn lực để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại NSNN, nợ công, kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công. Phối hợp chặt chẽ trong việc phát triển thị trường trái phiếu chính phủ, đảm bảo huy động nguồn lực với lãi suất giảm mạnh, kỳ hạn được kéo dài<sup>20</sup> để thực hiện các nhiệm vụ chi phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của nhà nước. Các chỉ tiêu an toàn nợ công 03 năm 2021-2023 dự kiến đều trong giới hạn cho phép, góp phần củng cố xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Bên cạnh việc phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ với mục tiêu ổn định vĩ mô, đã kết hợp quản lý, điều hành giá cả phù hợp, đảm bảo ổn định mặt bằng giá cả hàng hóa, tiêu dùng người dân trong mọi tình huống dịch bệnh, bão lũ; giá nhiều mặt hàng trong danh mục nhà nước quản lý không xem xét tăng giá và còn giảm giá trong một số thời điểm<sup>21</sup>; đồng thời điều hành giá xăng dầu trong nước linh hoạt để hạn chế mức thay đổi đột ngột; nhiều mặt hàng khác trong lộ trình thực hiện cơ chế giá thị trường cũng được xem xét không tăng giá<sup>22</sup>; giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, vật tư y tế đã được thực hiện bình ổn kịp thời.

đ) Tận dụng triệt để sự phục hồi thương mại toàn cầu, chuyển dịch đầu tư và các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

<sup>19</sup> Từ tháng 10/2022, NHNN mở rộng biên độ tỷ giá giao ngay từ  $\pm 3\%$  lên  $\pm 5\%$ .

<sup>20</sup> Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân năm 2021, 2022 lần lượt là 13,92 năm và 12,67 năm. Lãi suất phát hành bình quân năm 2021, 2022 lần lượt là 2,3%/năm và 3,48%/năm. Giai đoạn 2016-2020, kỳ hạn phát hành bình quân là 12,3 năm, lãi suất phát hành bình quân là 4,91%/năm.

<sup>21</sup> Như giá điện, giá nước sạch sinh hoạt, giá dịch vụ hàng không, dịch vụ chứng khoán.

<sup>22</sup> Như dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục đào tạo (học phí).

Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)<sup>23</sup>. Ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Israel (VIFTA) nhằm tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai nước về đầu tư, thương mại dịch vụ, chuyển đổi số, công nghệ.... Nâng cấp quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Qua đó, mở ra nhiều cơ hội mới, phát huy tiềm năng hợp tác giữa 2 Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, cả về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, đào tạo nhân lực, môi trường, chính trị, ngoại giao... Nghiên cứu khai thác thị trường ngành thực phẩm Halal để mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng.

Thay đổi hình thức tuyên truyền theo hướng xây dựng và đăng tải các video trực tuyến mang tính giải thích và hướng dẫn thực thi cam kết cụ thể theo từng lĩnh vực trong các Hiệp định; xuất bản các cuốn sách, ấn phẩm trực tuyến về các Hiệp định đối với các lĩnh vực, ngành hàng, thị trường cụ thể; vận hành Cổng thông tin điện tử về Hiệp định Thương mại Tự do (FTAP) để phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao hiệu quả tận dụng các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia.

e) Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế khả thi, hiệu quả

Căn cứ Nghị quyết số 43/2023/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhằm triển khai, cụ thể hóa các quyết sách tại Nghị quyết số 43/2022/QH15. Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình, thời hạn cụ thể, theo đó giao các bộ theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 17 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn<sup>24</sup> để sớm triển khai thực hiện ngay từ Quý I năm 2022, nhất là đối với những chính sách hỗ trợ dòng tiền, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

Thủ tướng Chính phủ đã có 03 Công điện<sup>25</sup> đôn đốc, yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là một trong các tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Chính phủ, các bộ, cơ quan và địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao, thực hiện và hoàn thành khối lượng lớn công việc, cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiến độ đề ra, đã ban hành đầy đủ 17/17 văn bản theo thẩm quyền để cụ thể hóa các chính sách theo yêu cầu. Đây là nỗ lực rất lớn khi nhiều chính sách có nội dung mới, chưa từng có tiền lệ và chưa từng được triển khai trước đây nhưng đã được nghiên cứu, xây dựng theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được đánh giá tác động trước khi ban hành. Việc thực hiện Chương trình đã bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, góp phần

<sup>23</sup> Quyết định số 01/TTg-QĐ ngày 04 tháng 1 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>24</sup> Bao gồm 06 Nghị định của Chính phủ; 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 06 văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền của các bộ.

<sup>25</sup> Công điện số 126/CD-TTg ngày 12/02/2022; số 252/CD-TTg ngày 16/3/2022; số 290/CD-TTg ngày 31/3/2022.

ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và phát triển.

2.2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

a) Công tác xây dựng pháp luật, kiểm tra, rà soát, xử lý hệ thống quy phạm pháp luật được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần hoàn thiện thể chế, tháo gỡ khó khăn, tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung tham mưu thể chế hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng chính sách, nhiệm vụ trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, Kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với trọng tâm là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong tổ chức thi hành, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Việc xây dựng, ban hành Luật trong thời gian qua đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19; đơn giản hóa thủ tục đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay<sup>26</sup>, Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội thông qua 38 văn bản pháp luật (*trong đó, năm 2021: 02 luật<sup>27</sup>, 05 nghị quyết<sup>28</sup>; năm 2022: 12 luật<sup>29</sup>, 07 nghị quyết<sup>30</sup>; 08 tháng đầu năm 2023: 09 luật<sup>31</sup>, 03 nghị quyết<sup>32</sup>*); cho ý

<sup>26</sup> Số liệu ban hành luật, nghị quyết cập nhật đến hết kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

<sup>27</sup> Gồm: (1) Luật Phòng, chống ma túy; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục-Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

<sup>28</sup> Gồm: Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình năm 2022 và điều chỉnh Chương trình năm 2021; các Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các tỉnh Nghệ An, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế và thành phố Hải Phòng.

<sup>29</sup> Gồm: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; (2) Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); (3) Luật Điện ảnh (sửa đổi); (4) Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); (5) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; (6) Luật Cảnh sát cơ động; (7) Luật Dầu khí (sửa đổi); (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; (9) Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); (10) Luật Thanh tra (sửa đổi); (11) Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; (12) Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi).

<sup>30</sup> Gồm: (1) Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình năm 2023 và điều chỉnh Chương trình năm 2022; (2) Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ; (3) Nghị quyết về thí điểm mô hình tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam; (4) Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, phát triển tỉnh Khánh Hòa; (5) Nghị quyết của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu; (6) Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cấp quyền lựa chọn sử dụng biển số ô tô thông qua đấu giá; (7) Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

<sup>31</sup> Gồm: (1) Luật Khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi; (2) Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sửa đổi; (3) Luật Giá sửa đổi; (4) Luật Giao dịch điện tử sửa đổi; (5) Luật Đấu thầu sửa đổi; (6) Luật Hợp tác xã sửa đổi; (7) Luật Phòng thủ dân sự; (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân; (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

<sup>32</sup> Gồm: (1) Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình năm 2023 và điều chỉnh Chương trình năm 2022; (2) Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh; (3) Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng.

kiến đối với 22 dự án, dự thảo (năm 2021: cho ý kiến 05 dự án luật<sup>33</sup>; năm 2022: cho ý kiến đối với 08 dự án luật<sup>34</sup>; 8 tháng đầu năm 2023: 09 luật<sup>35</sup>). Từ năm 2021 đến tháng 5/2023, Chính phủ đã ban hành 288 nghị định<sup>36</sup>; Thủ tướng Chính phủ ban hành 79 quyết định<sup>37</sup>; Bộ trưởng các Bộ, ngành đã ban hành 1.484 thông tư<sup>38</sup>, 06 thông tư liên tịch... nhằm quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể để tháo gỡ các “rào cản”, khơi thông mọi nguồn lực cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

Đã tổ chức rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định của các luật có mâu thuẫn, thiếu đồng bộ, đang gây vướng mắc, yêu cầu cấp bách phải sửa ngay, trong đó đã trình Quốc hội ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã... để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về thể chế nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư phát triển, đẩy mạnh phân cấp quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp...

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng, thực hiện thường xuyên, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, những văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, đồng bộ để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hạn chế các tác động tiêu cực đến xã hội<sup>39</sup>. Rà soát, khắc phục những bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán.

b) Nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm về việc tách giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư

Thực hiện Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 520/TTr-CP ngày 15/11/2021 báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề án thí điểm về việc tách giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư. Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>40</sup>, trong quá trình xây dựng Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Chính phủ đã xây dựng chính sách về tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra

<sup>33</sup> Gồm: (1) Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); (2) Luật Điện ảnh (sửa đổi); (3) Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); (4) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; (5) Luật Cảnh sát cơ động.

<sup>34</sup> Gồm: (1) Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi); (2) Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi); (3) Luật Phòng thủ dân sự; (4) Luật Đấu thầu (sửa đổi); (5) Luật Hợp tác xã (sửa đổi); (6) Luật Giá (sửa đổi); (7) Luật Đất đai (sửa đổi) (cho ý kiến lần 1); (8) Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi) (chuyển từ Chương trình thông qua sang Chương trình cho ý kiến lần 2).

<sup>35</sup> Luật Đất đai (sửa đổi), cho ý kiến lần 2; Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Nhà ở sửa đổi; Luật Tài nguyên nước sửa đổi; Luật Viễn thông sửa đổi; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Căn cước công dân sửa đổi; Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

<sup>36</sup> Năm 2021: 136 nghị định; năm 2022: 125 nghị định; 05 tháng đầu năm 2023: 27 nghị định.

<sup>37</sup> Năm 2021: 39 quyết định; năm 2022: 28 quyết định; 05 tháng đầu năm 2023: 11 quyết định.

<sup>38</sup> Năm 2021: 749 văn bản; năm 2022: 573 văn bản; 05 tháng đầu năm 2023: 162 văn bản.

<sup>39</sup> Trong 2 năm 2021-2022 đã kiểm tra 26.018 văn bản quy phạm pháp luật; 6 tháng đầu năm 2023 đã kiểm tra 3.426 văn bản; trong 2 năm 2021-2022 đã rà soát 61.891 văn bản và kiến nghị xử lý đối với 13.045 văn bản.

<sup>40</sup> Tại Thông báo số 2831/TB-VPQH ngày 27/11/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến: “Việc thí điểm (nếu có) chỉ thực hiện đối với một số địa phương, dự án cụ thể và có thời gian, thời hạn cụ thể.”

khỏi dự án đầu tư công, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, trình Quốc hội ban hành tại Nghị quyết số 55/2022/QH15.

Việc xây dựng, thực hiện đề án thí điểm về việc tách giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư đã được Chính phủ xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Quốc hội thông qua và thực hiện thí điểm tại tỉnh Khánh Hòa. Kết quả thí điểm các chính sách sẽ là căn cứ để Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi quy định tại các pháp luật liên quan nhằm tạo điều kiện, đẩy nhanh công tác thực hiện dự án đầu tư.

c) Nghiên cứu, sửa đổi Luật Tần số vô tuyến điện<sup>41</sup>, Luật Giao dịch điện tử<sup>42</sup>; xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi<sup>43</sup>; ban hành Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>44</sup>. Kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số<sup>45</sup>. Hoàn thiện các quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền internet<sup>46</sup> và quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử<sup>47</sup>.

d) Nâng cao chất lượng phân tích, dự báo, cảnh báo; hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê. Nghiên cứu, xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia, Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia và quy định về chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Đẩy nhanh tiến độ công tác lập quy hoạch. Đã trình Quốc hội ban hành Quy hoạch tổng thể quốc gia<sup>48</sup>; ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>49</sup>. Đến thời điểm hiện tại đã có 85 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong (trong đó 32 quy hoạch cấp quốc gia<sup>50</sup>, quy hoạch vùng<sup>51</sup>, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt<sup>52</sup>; 06 quy hoạch đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét

<sup>41</sup> Luật số 09/2022/QH15 ngày 09/11/2022.

<sup>42</sup> Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

<sup>43</sup> Dự kiến Quốc hội sẽ xem xét trong năm 2023 và 2024.

<sup>44</sup> Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>45</sup> Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24/9/2021.

<sup>46</sup> Quyết định số 16/QĐ-TTg ngày 30/3/2021.

<sup>47</sup> Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022.

<sup>48</sup> Quốc hội đã thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>49</sup> Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16/6/2023

<sup>50</sup> Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và 16 quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến đường bộ, đường sắt, cảng biển, đường thủy nội địa, cảng hàng không, tài nguyên nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, diện VIII, hạ tầng phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và thủy lợi, địa chất khoáng sản, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; tổng thể về năng lượng quốc gia; mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

<sup>51</sup> Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>52</sup> Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Lào Cai, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Quảng Bình, Long An, Sóc Trăng, Nghệ An, Yên Bái.



nhưng chưa được phê duyệt<sup>53</sup>; 47 quy hoạch đã thẩm định xong và đang trong quá trình hoàn thiện<sup>54</sup>; 10 quy hoạch đang được thẩm định<sup>55</sup>; 13 quy hoạch đang trong quá trình xây dựng dự thảo và lấy ý kiến<sup>56</sup>; 02 quy hoạch đang lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch<sup>57</sup>.

Đây mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương. Đã trình Quốc hội ban hành 09 Luật để thực hiện phân quyền đối với các ngành, lĩnh vực<sup>58</sup> và cho ý kiến đối với 04 luật để tiếp tục thực hiện phân quyền đối với các ngành, lĩnh vực<sup>59</sup>; ban hành 06 Nghị định và 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực<sup>60</sup>.

đ) Thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính ngân sách được tiếp tục hoàn thiện<sup>61</sup>. Các quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán theo niên độ tại các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đầy đủ, kịp thời, hạn chế tối đa vướng mắc còn tồn tại từ những văn bản quy phạm pháp luật trước; tối thiểu hóa các thủ tục, rút ngắn thời hạn kiểm soát, thanh toán, đơn giản hóa tiêu chí báo cáo nhưng vẫn đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý theo thẩm quyền, đồng thời đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và pháp luật khác có liên quan<sup>62</sup>.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán, các tổ chức kinh doanh chứng khoán, hoạt động phát hành chứng khoán và công ty đại

<sup>53</sup> Có 04 quy hoạch cấp quốc gia về hạ tầng thông tin và truyền thông; phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản; mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Có 02 quy hoạch tỉnh: Bình Phước, An Giang.

<sup>54</sup> Có 09 quy hoạch cấp quốc gia về lâm nghiệp; sử dụng đất an ninh; tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học; hệ thống trung tâm giáo dục, quốc phòng và an ninh; sử dụng đất quốc phòng; bảo vệ môi trường; mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; mạng lưới cơ sở y tế. Có 38 quy hoạch tỉnh gồm: Trà Vinh, Lai Châu, Bắc Kạn, Đà Nẵng, Ninh Thuận, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Phú Thọ, Đồng Tháp, Cao Bằng, Đắk Nông, Kiên Giang, Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Ninh Bình, Vĩnh Long, Hà Nam, Cà Mau, Tây Ninh, Đắk Lắk, Hậu Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng, Hòa Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Tiền Giang, Nam Định, Bạc Liêu, Bình Định, Quảng Trị, Gia Lai, Sơn La, Thái Bình, Hưng Yên, Phú Yên.

<sup>55</sup> Quy hoạch không gian biển quốc gia và 03 quy hoạch ngành quốc gia về hệ thống du lịch quốc gia; mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao; hệ thống đô thị và nông thôn. Có 06 quy hoạch tỉnh gồm: Kon Tum, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn, Điện Biên, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam.

<sup>56</sup> Có 04 quy hoạch ngành quốc gia về tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hệ thống kho dự trữ quốc gia; hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng. Có 04 quy hoạch tỉnh gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. 05 quy hoạch vùng: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

<sup>57</sup> Có 02 quy hoạch cấp quốc gia: (i) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>58</sup> Bao gồm: kế hoạch và đầu tư; y tế; thanh tra; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

<sup>59</sup> Bao gồm: tài chính; tài nguyên và môi trường; kế hoạch và đầu tư; thông tin và truyền thông.

<sup>60</sup> Bao gồm: kế hoạch và đầu tư; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài chính và ngoại giao, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

<sup>61</sup> Đã trình Quốc hội thông qua Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), Luật Giá; 07 Nghị quyết; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 06 Nghị quyết và cho ý kiến về định hướng sửa các Luật Thuế; ban hành 56 Nghị định; 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, xem xét ban hành 13 Quyết định.

<sup>62</sup> Đã ban hành Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

chúng; kiểm tra, giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm, nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường<sup>63</sup>. Nghiên cứu tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ<sup>64</sup>. Ban hành các quy định về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài<sup>65</sup>. Tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực của thị trường bảo hiểm.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế về thương mại; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, đa dạng hoá thị trường tiêu thụ, cụ thể: (i) Theo dõi sát tình hình, cập nhật, tổng hợp thông tin thị trường trong và ngoài nước đối với nông sản; (ii) Tăng cường các hoạt động kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất khẩu, trong đó củng cố hợp tác với các thị trường truyền thống<sup>66</sup>, đặc biệt là tận dụng lợi thế các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA, CPTPP, VIFTA; (iii) Đấu tranh có hiệu quả đối với các rào cản kỹ thuật, thương mại bất hợp lý đối với nông, lâm, thủy sản chủ lực.

Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu; tăng cường tận dụng cơ hội từ thị trường có FTA, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài cho hoạt động xuất khẩu. Tổ chức Chương trình kết nối nhà cung ứng địa phương với các doanh nghiệp xuất khẩu. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu xử lý hiệu quả các vụ việc phòng vệ thương mại nước ngoài được triển khai với nhiều hoạt động đa dạng<sup>67</sup>.

g) Xây dựng và triển khai nhiều phương án, kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; tăng cường công tác quản lý địa bàn, xử lý kịp thời vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận xã hội; kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh hàng nhập lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng gian lận thương mại, hàng kém chất lượng, công tác niêm yết giá bán và bán đúng giá niêm yết, các hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa trên thị trường để đầu cơ, găm hàng hoặc lợi dụng dịch bệnh để định giá bán hàng hóa bất hợp lý, góp phần phòng, chống tội phạm, bình ổn thị trường, bảo vệ người tiêu dùng và doanh nghiệp<sup>68</sup>.

h) Tập trung xây dựng và phát triển Thương hiệu Việt Nam; phát triển thương mại điện tử

Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương

<sup>63</sup> Đã ban hành Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

<sup>64</sup> Ban hành Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế.

<sup>65</sup> Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021.

<sup>66</sup> Như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ...

<sup>67</sup> Như: (i) cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại; (ii) trao đổi kịp thời với hiệp hội, doanh nghiệp; (iii) tư vấn pháp lý, quy trình thủ tục điều tra, quy định/thông lệ điều tra của nước khởi kiện; (iv) tiếp cận, trao đổi, tham vấn với Cơ quan điều tra của nước ngoài; (v) xem xét khiếu nại các biện pháp phòng vệ thương mại của cơ quan điều tra nước ngoài nếu có dấu hiệu vi phạm các quy định của WTO.

<sup>68</sup> Giai đoạn từ 01/01/2021 đến nay, lực lượng quản lý thị trường phát hiện xử lý 112.930 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách gần 1.157 tỷ đồng; chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 432 vụ việc có dấu hiệu tội phạm (theo Báo cáo số 5097/BCT-KHTC ngày 03/8/2023).

hiệu Việt Nam với nòng cốt là Chương trình Thương hiệu quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam là quốc gia có hàng hóa, dịch vụ chất lượng, tạo dựng uy tín và nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế. Thực hiện Chương trình Thương hiệu ngành thực phẩm Việt Nam nhằm giới thiệu, quảng bá thương hiệu của nông sản, thực phẩm chế biến Việt Nam (Foods of Vietnam) ra thị trường quốc tế.

Thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử (TMĐT) quốc gia giai đoạn 2021-2025, nhiều giải pháp cho phát triển TMĐT đã được xây dựng và phát triển, như hỗ trợ thanh toán trong TMĐT; trực phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam; Chương trình Ngày mua sắm trực tuyến - Online Friday<sup>69</sup>; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT Go Online<sup>70</sup>. Công tác quản lý hoạt động TMĐT và xử lý vi phạm trong TMĐT cũng được tăng cường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp TMĐT<sup>71</sup>.

2.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Nghiên cứu, xây dựng Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030<sup>72</sup> với mục tiêu đến năm 2030, năng suất lao động trở thành một động lực quan trọng cho tăng trưởng nhanh, bền vững, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy liên kết vùng; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là các trụ cột chính. Bên cạnh đó, Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2030 cũng đang được tích cực triển khai<sup>73</sup>.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Đến hết năm 2022 đã xây dựng 2.510 chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Kết hợp sản phẩm truyền thống với ứng dụng khoa học công nghệ đa dạng, phong phú, chất lượng, mẫu mã bao bì đẹp, truy xuất được nguồn gốc. Đã đào tạo cho hơn 1.000 lượt doanh nghiệp nhỏ và vừa về truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu, mở rộng kênh phân phối để phát triển thị trường.

b) Tổ chức thực hiện hiệu quả và thực chất các nội dung cơ cấu lại các

<sup>69</sup> Sự kiện diễn ra vào năm 2022 đã thu hút sự tham gia của 300.000 sản phẩm chính hãng có chương trình khuyến mãi và hơn 50.000 voucher giảm giá. Hệ thống Online Friday 2021 cũng đã kết nối với kho dữ liệu hơn 10 triệu sản phẩm.

<sup>70</sup> Tính đến tháng 6/2023, Chương trình đã có 20 doanh nghiệp với gần 50 giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số và TMĐT tham gia.

<sup>71</sup> Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về TMĐT; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực của ngành Công Thương.

<sup>72</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 9228/TTr-BKHĐT ngày 19/12/2022.

<sup>73</sup> Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

ngành sản xuất và dịch vụ

- Về công nghiệp: Cơ cấu nội ngành công nghiệp cơ bản có chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng và từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao (CNC). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế<sup>74</sup>. Ngành điện đã đảm bảo tốt cân đối điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, an ninh quốc phòng và sinh hoạt của người dân. Hạ tầng cung cấp điện được đầu tư khá đồng bộ, đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh; nhiều công trình lớn (trên 1.000 MW) được hoàn thành.

- Về xây dựng: Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý đầu tư xây dựng, thiết kế, thi công, quản lý chất lượng công trình. Phát triển vật liệu xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên khoáng sản, thân thiện với môi trường, có hàm lượng CNC, đáp ứng nhu cầu trong nước, tăng cường xuất khẩu vật liệu xây dựng cao cấp, phát triển các vật liệu xây dựng mới. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Quản lý chặt chẽ hệ thống đánh giá hợp quy, đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu, sản xuất và lưu thông trên thị trường.

- Về nông nghiệp: Thực hiện điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát triển các chuỗi ngành hàng, bố trí cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết và tín hiệu thị trường. Nhờ vậy, cơ cấu sản xuất được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền và cả nước, gắn với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau, quả, cây công nghiệp lâu năm, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, gia trại, tập trung theo chuỗi khép kín, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, CNC được mở rộng. Thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững, trọng tâm là Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”. Đẩy mạnh khai thác xa bờ, cơ cấu lại hoạt động khai thác, phương tiện đánh bắt phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; hiện đại hóa đội tàu cá, tàu hậu cần nghề cá và công nghệ khai thác, bảo quản, chế biến.

- Về dịch vụ:

Cơ cấu lại khu vực dịch vụ được triển khai tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ

<sup>74</sup> Đóng góp 1,61 điểm % vào mức tăng trưởng GDP cả nước trong năm 2021; 2,09 điểm % vào năm 2022.

hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế<sup>75</sup>, bảo hiểm<sup>76</sup>. Một số ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, CNC như công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng... được tập trung phát triển. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến, các loại hình vận tải mới<sup>77</sup>,... đã góp phần giúp ngành dịch vụ thích ứng tốt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới của thế giới, đặc biệt là đại dịch COVID-19.

Công tác xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm... theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế được quan tâm. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ chế chính sách được ban hành để tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ.

Chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ. Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để phát huy thế mạnh, tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, phát triển thị trường vận tải, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chú trọng công tác đầu tư phương tiện chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với vận tải đường bộ. Cải thiện chất lượng dịch vụ tại cảng biển và logistics. Phát triển vận tải thủy nội địa làm giảm áp lực cho vận tải đường bộ trên hành lang Bắc Nam. Tiếp tục mở rộng mạng đường bay trong nước và quốc tế, gia tăng dịch vụ hàng không giá rẻ, giảm được tình trạng chậm hủy chuyến, cải thiện chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không.

Tiếp tục ban hành và thực hiện các chính sách phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tích cực triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, thúc đẩy phát triển các khu du lịch quốc gia. Triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến quảng bá trong và ngoài nước gắn với tăng thời hạn thị thực điện tử từ 30 ngày lên 90 ngày nhằm từng bước định vị thương hiệu du lịch quốc gia gắn với các hình ảnh chủ đạo về du lịch văn hóa, du lịch biển đảo, du lịch sinh thái. Tăng cường công tác quản lý hoạt động du lịch văn hóa có yếu tố tín ngưỡng, sinh thái, lịch sử. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, phát triển du lịch.

Tổ chức thực hiện hiệu quả thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán. Nguồn nhân lực về kế toán, kiểm toán được phát triển phù hợp, đặc biệt là đội ngũ nhân lực cho thị trường dịch vụ. Số lượng doanh nghiệp dịch vụ kế toán và kiểm toán, số lượng người hành nghề đều tăng, quy mô dịch vụ được mở rộng. Nghiên cứu,

<sup>75</sup> Tính trung bình, việc thông nhất quy trình khám bệnh, cải cách TTHC, sắp xếp liên hoàn... đã rút ngắn thời gian khám bệnh được 48,5 phút. Các bệnh viện đang cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.

<sup>76</sup> Các sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa với gần 1.200 sản phẩm bảo hiểm, chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều loại hình sản phẩm mới, bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội được triển khai như: Bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí...

<sup>77</sup> Như thí điểm taxi công nghệ (Grab, Fastgo, xanh SM,...).



ban hành các giải pháp cụ thể để phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm (XHTN) tại Việt Nam. Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp và nhà đầu tư sử dụng dịch vụ XHTN.

c) Pháp luật về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện; bổ sung nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn đặt ra và tạo khung pháp lý cho những vấn đề mới. Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung 09 Luật; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chính phủ ban hành theo thẩm quyền các Nghị định hướng dẫn về hoạt động đầu tư công<sup>78</sup>, tiếp tục triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đầu tư công.

Trong điều hành Kế hoạch đầu tư công, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công<sup>79</sup>, theo đó, xác định nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong việc thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện dự án đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Nghị quyết chuyên đề giải ngân vốn đầu tư công<sup>80</sup>, 03 Chỉ thị về giải ngân, nhiều công điện và văn bản và trong các Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ đều chú trọng công tác giải ngân vốn đầu tư công; tổ chức 07 Hội nghị trực tuyến với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; duy trì hoạt động của 05 tổ công tác do các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính làm tổ trưởng; lập 26 đoàn công tác do Thành viên Chính phủ làm trưởng đoàn làm việc với các địa phương để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, đôn đốc, đánh giá và tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các bộ, ngành địa phương có tỉ lệ giải ngân thấp với tinh thần tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn", đề xuất các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thể chế, cơ chế, chính sách, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về giải ngân vốn đầu tư công.

d) Hệ thống các cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý DNNN, thực hiện

<sup>78</sup> Các Nghị định: hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; trình tự thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Sửa đổi các nội dung vướng mắc về các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, thủ tục cho vay lại... các dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

<sup>79</sup> Nghị quyết số: 01/NQ-CP ngày 01/01/2022, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 572/VPCP-KTTH ngày 21/01/2022, 1684/VPCP-KTTH ngày 17/3/2022, 1993/VPCP-KTTH ngày 31/3/2022, 106/TB-VPCP ngày 09/04/2022, 151/TB-VPCP ngày 20/5/2022, 151/TB-VPCP ngày 20/5/2022, 3860/VPCP-KTTH ngày 23/6/2022, 55/TTg-KTTH ngày 12/8/2022; các Công điện số 126/CĐ-TTg ngày 12/02/2022, số 252/CĐ-TTg ngày 16/3/2022, số 307/CĐ-TTg ngày 8/4/2022, số 54/CĐ-TTg ngày 12/8/2022....

<sup>80</sup> Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021, số 124/NQ-CP ngày 15/9/2022.

cơ cấu lại DNNN đã được ban hành đầy đủ<sup>81</sup> và đang tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện, đảm bảo chặt chẽ hơn, công khai minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước<sup>82</sup>. Việc ban hành văn bản pháp luật đã đảm bảo các yêu cầu cấp thiết, kịp thời, phù hợp trong quá trình cơ cấu lại DNNN 2021-2025; giảm tình trạng mâu thuẫn pháp luật về tổ chức và hoạt động của DNNN. Hệ thống văn bản quy pháp luật hiện hành đã thể chế hóa được nhiều chủ trương của Đảng về cơ cấu lại DNNN, hình thành pháp luật kinh doanh và cạnh tranh thống nhất. Công tác chỉ đạo, điều hành xử lý các DNNN yếu kém ngày càng hướng tới nguyên tắc thị trường.

Quy trình, thủ tục cổ phần hóa đã được sửa đổi, bổ sung và ngày càng hoàn thiện theo hướng đảm bảo cổ phần hóa DNNN công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025” với quan điểm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của DNNN trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, làm tốt vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác. Trên cơ sở đó, các ngành, các cấp quản lý, các tập đoàn, tổng công ty đã nỗ lực xây dựng và tổ chức thực hiện đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025.

Trong 2 năm 2021-2022, công tác cổ phần hóa được thực hiện theo kế hoạch đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục cổ phần hóa giai đoạn 2017-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>83</sup>. Giai đoạn 2022-2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, theo đó các DNNN được sắp xếp lại theo các hình thức như duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cổ phần hóa, sắp xếp lại; chuyển nhượng một phần hoặc chuyển nhượng toàn bộ vốn nhà nước. Đồng thời, trên cơ sở quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025<sup>84</sup>.

đ) Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng; triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các TCTD và xử lý nợ xấu. Đẩy mạnh cơ cấu lại dịch vụ ngân hàng

Tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý về cơ chế chính sách nhằm bảo

<sup>81</sup> Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, TCT trong phát triển KTXH; Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 về tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025.

<sup>82</sup> Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Đề án Phát triển DNNN quy mô lớn, đặc biệt là Tập đoàn kinh tế nhà nước đa sở hữu nhằm phát huy vai trò mở đường, dẫn dắt cho doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

<sup>83</sup> Tại công văn số 991/TTG-ĐMDN ngày 10/07/2017 về phê duyệt Danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020.

<sup>84</sup> Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022.

đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn và từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 ngày 15/11/2022; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn Luật nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, sự phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế và bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Hoàn thiện dự thảo Luật các TCTD (sửa đổi) báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV. Nghiên cứu, rà soát Luật Bảo hiểm tiền gửi để đánh giá các vướng mắc, bất cập, khó khăn trong thực tiễn triển khai và kinh nghiệm quốc tế<sup>85</sup>.

Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025<sup>86</sup>, theo đó các TCTD đã thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng tài chính, hoạt động của TCTD, xây dựng và triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>87</sup>. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện phương án cơ cấu lại các TCTD được kiểm soát đặc biệt<sup>88</sup>. Tăng cường củng cố hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), triển khai quyết liệt phương án xử lý QTDND yếu kém, QTDND được kiểm soát đặc biệt.

Công tác kiểm soát, xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt gắn với công tác cơ cấu lại các TCTD<sup>89</sup>. Công tác thanh tra, giám sát đối với hệ thống các TCTD được tăng cường, góp phần đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro trong hoạt động ngân hàng, theo đó yêu cầu các TCTD thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; bảo đảm mở rộng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng. Thực hiện giám sát thường xuyên tiến độ, kết quả xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).

Khuôn khổ pháp lý và chính sách trong hoạt động thanh toán đã từng bước được hoàn thiện. Ban hành, tổ chức triển khai các Đề án, Chương trình, Kế hoạch nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) và chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng. Cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin phục vụ TTKDTM, nhất là thanh toán điện tử, tiếp tục được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả.

e) Tập trung nghiên cứu, xây dựng các nhóm giải pháp về tăng cung hàng hoá cho thị trường chứng khoán (TTCK) và cải thiện chất lượng nguồn cung; phát triển và đa dạng hoá cơ sở nhà đầu tư, cải thiện chất lượng cầu đầu tư nhằm hướng tới cầu đầu tư bền vững. Bên cạnh đó, thực hiện đa dạng hoá cơ sở nhà đầu tư trong nước trong đó chú trọng phát triển các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán;

<sup>85</sup> Báo cáo số 324/BC-NHNN ngày 30/9/2022 báo cáo kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Bảo hiểm tiền gửi.

<sup>86</sup> Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022).

<sup>87</sup> Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tăng vốn điều lệ của Agribank tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn nhà nước cho VCB.

<sup>88</sup> Chủ trương chuyển giao bắt buộc đối với 04 ngân hàng được kiểm soát đặc biệt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

<sup>89</sup> Đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình nợ xấu, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD tại Báo cáo số 12/BC-NHNN ngày 16/3/2023.

đa dạng hoá kênh phân phối chúng chỉ quỹ. Tiếp tục cải cách hành chính, đơn giản hoá thủ tục đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào TTCK Việt Nam. Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động thị trường.

g) Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL). Đã có 04/15 Bộ<sup>90</sup> trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL theo ngành, lĩnh vực quản lý; 04/15 Bộ<sup>91</sup> đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; 07/15 Bộ<sup>92</sup> đã ban hành Thông tư hướng dẫn tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị SNCL theo ngành, lĩnh vực quản lý; 07/15 Bộ<sup>93</sup> đã ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị SNCL theo ngành, lĩnh vực. Tính đến hết năm 2022, đã có 02 Bộ, ngành và 30 địa phương trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt Danh mục ĐVSNCL thành CTCP giai đoạn 2021-2022, trong đó, 13 địa phương với 18 ĐVSNCL đã được phê duyệt.

Nghiên cứu, xây dựng Đề án Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống ĐVSNCL, phục vụ sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; dự kiến kết quả sắp xếp, tổ chức lại và phương án nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị SNCL trong năm 2023 và lộ trình đến năm 2025.

Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL để tạo hành lang pháp lý cho việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL<sup>94</sup>. Tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL để xem xét sửa đổi, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh.

#### 2.4. Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

a) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA để thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW

<sup>90</sup> Bộ Tư pháp; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>91</sup> Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Bộ Giao thông vận tải.

<sup>92</sup> Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương; Bộ Tư pháp.

<sup>93</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính.

<sup>94</sup> Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL.

ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Ban hành Kế hoạch hành động<sup>95</sup> thực hiện Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030<sup>96</sup> nhằm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, CNC của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa tích cực, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài trong giai đoạn mới<sup>97</sup>. Đánh giá tác động của thuế suất thuế tối thiểu toàn cầu tới thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để có giải pháp ứng phó kịp thời, phù hợp. Bên cạnh đó, đang tích cực xây dựng Đề án trình Quốc hội việc áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực CNC. Xây dựng Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2021-2025<sup>98</sup> để thu hút nguồn lực đầu tư cho những công trình cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội trọng điểm, có tính lan tỏa cao và quan trọng.

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 để trình Bộ Chính trị. Hoàn thành Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế năm 2021 và năm 2022<sup>99</sup>. Nghiên cứu, hoàn thiện Đề án “Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan”.

b) Ưu tiên thu hút các nguồn lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng, các đô thị lớn, các ngành mũi nhọn, các công trình trọng điểm quốc gia

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XIII “*ưu tiên cho liên kết và phát triển vùng, ưu tiên tăng trưởng vùng kinh tế trọng điểm*”, Bộ Chính trị đã ban hành 06 Nghị quyết về phát triển 06 vùng KTXH để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng XIII<sup>100</sup>. Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 “*xây dựng cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với đặc thù đối với một số địa phương có điều kiện, đặc biệt là các địa phương là đô thị lớn, cực tăng trưởng của vùng nhằm ưu tiên huy động các nguồn thu, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn*” và cho cả vùng, Chính phủ đã nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù

<sup>95</sup> Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 28/3/2023.

<sup>96</sup> Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2023.

<sup>97</sup> Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2023.

<sup>98</sup> Quyết định số 2109/QĐ-TTg ngày 15/12/2021.

<sup>99</sup> Tờ trình số 391/TTr-BKHĐT ngày 27/6/2022 và Tờ trình số 563/TTr-BKHĐT ngày 01/8/2023.

<sup>100</sup> Các vùng: trung du và miền núi Bắc Bộ; đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; đồng bằng sông Cửu Long.



cho 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<sup>101</sup> và 01 thành phố trực thuộc tỉnh<sup>102</sup>; ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị nhằm cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết để thu hút nguồn lực tham gia đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành một số Nghị định hướng dẫn về hoạt động đầu tư công, đầu tư và đầu tư theo phương thức đối tác công tư, về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, quy định về ưu đãi đầu tư.

Trong phân bổ ngân sách hàng năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quán triệt nguyên tắc ưu tiên cho đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc trọng điểm, hạ tầng kết nối vùng nhất là khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ đã được xác định tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

c) Việc xử lý các dự án/doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả ngành công thương tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, trong đó một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương; 03 dự án sản xuất đạm, phân bón<sup>103</sup> đang tích cực triển khai các phương án cơ cấu lại nợ vay sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương, hoạt động sản xuất duy trì ổn định, bước đầu có lãi; các dự án còn lại<sup>104</sup> đang được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và lựa chọn phương án xử lý phù hợp.

d) Đẩy mạnh hợp tác công tư để huy động mọi nguồn lực cho phát triển

Từ thời điểm Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) có hiệu lực thi hành (01/01/2021), có 24 dự án PPP được cấp có thẩm quyền triển khai theo quy định của Luật; trong đó, hầu hết là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương (tổng mức đầu tư khoảng 235.000 tỷ đồng). Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 700 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không quốc tế tiêu chuẩn cấp 4C và sân bay quân sự cấp II, 01 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 02 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương. Nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng thông qua các dự án PPP tiếp tục được đẩy mạnh; dự kiến huy động được 96.939 tỷ đồng vốn đầu tư tư nhân và sử dụng 113.953 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước.

d) Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023 về Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 về

<sup>101</sup> TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Cần Thơ.

<sup>102</sup> TP. Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

<sup>103</sup> Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm, phân bón Hà Bắc, Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình; Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 – Lào Cai.

<sup>104</sup> Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 – Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên; Dự án nhà máy thép Việt Trung; Công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy Dung Quất; Dự án nhà máy bột giấy Phương Nam.

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

Đồng thời, quán triệt các tư tưởng chỉ đạo, các quan điểm, chính sách của Đảng về khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển, các chính sách thuế hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động; khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển; chuyển giao công nghệ tiên tiến đã được ban hành<sup>105</sup>.

e) Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP<sup>106</sup> ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, bao gồm: (i) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; và (ii) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng

<sup>105</sup> Cụ thể: (i) Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành quy định thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, CNC, từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu CNC và thu nhập của doanh nghiệp CNC, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC được ưu đãi ở mức cao nhất (áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo). Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN; chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn thì được giảm 50%. Miễn thuế đến 03 năm đối với thu nhập từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đối với thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật được miễn thuế TNDN. Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTgCP ngày 06/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tùy theo mức độ đáp ứng điều kiện ưu đãi có thể được áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN cao nhất là: thuế suất 5% trong 37 năm, miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo; (ii) Về thuế giá trị gia tăng (GTGT): Hầu hết các sản phẩm sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Đối với các dịch vụ khoa học, công nghệ cũng được áp dụng thuế suất 5%, là mức thuế suất thấp so với mức thuế suất phổ thông là 10%; (iii) Về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với: Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn; Giảm 50% thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với: Đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn.

<sup>106</sup> Quy định tại Mục 1 Chương VIII Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.5. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại

a) Về hạ tầng giao thông vận tải

Đẩy nhanh tiến độ nhiều công trình, dự án hạ tầng quan trọng quốc gia, nhất là các dự án đường bộ cao tốc. Ngân sách Trung ương đã bố trí khoảng 346 nghìn tỷ đồng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Về đường bộ, từ đầu nhiệm kỳ đến hết tháng 8/2023, đã hoàn thành, đưa vào sử dụng 659 km đường cao tốc<sup>107</sup>, nâng tổng số đường cao tốc đưa vào khai thác là 1.822 km; 02 dự án đường vành đai là đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và đường vành đai 4 thành phố Hà Nội; đang triển khai xây dựng 1.600 km đường cao tốc, trong đó chiều dài khởi công từ năm 2021 đến nay khoảng 1.383 km<sup>108</sup>; đẩy nhanh thủ tục đầu tư để phân đấu tiếp tục khởi công một số dự án quan trọng cuối năm 2023<sup>109</sup> nhằm thực hiện mục tiêu đến năm 2030 phần đấu cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc. Về đường sắt, đã đưa tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông vào khai thác; tiếp tục triển khai thi công 02 tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội (Nhổn - ga Hà Nội) và TP Hồ Chí Minh (Bến Thành - Suối Tiên); cải tạo nâng cấp một số đoạn tuyến đường sắt hiện có trên tuyến Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; đang chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, khởi công dự án đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn. Về đường thủy nội địa, đã khởi công dự án nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn 2 và hoàn thành dự án kênh nối Đáy - Ninh Cơ; khởi công dự án nâng cao tỉnh không các cầu đường bộ cắt ngang tuyến đường thủy nội địa quốc gia - giai đoạn 1 (khu vực phía Nam). Về hàng hải, đã khởi công các dự án luồng vào cảng công ten nơ Cái Mép (Bà Rịa - Vũng Tàu), luồng vào khu bến cảng Thọ Quang (Đà Nẵng), luồng vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn (Thanh Hoá), luồng sông Hậu giai đoạn 2; hạ tầng dùng chung khu bến cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng), bến 3,4,5,6,7,8 khu bến Lạch Huyện. Về hàng không, đưa vào khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không Tân Sơn Nhất và cảng hàng không Nội Bài; đã hoàn thành nhà ga T2 - cảng hàng không quốc tế Phú Bài; khởi công các dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành, nhà ga T3 - cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cảng hàng không Điện Biên.

Tập trung triển khai các dự án giao thông quan trọng quốc gia<sup>110</sup>. Thành lập Ban chỉ đạo<sup>111</sup> của Chính phủ đối với các dự án giao thông quan trọng quốc gia; thực hiện giao ban định kỳ, kiểm tra hiện trường, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, có

<sup>107</sup> Các tuyến: Cao tốc Bắc-Nam phía Đông các đoạn Cao Bồ - Mai Sơn, Mai Sơn - QL.45, Cam Lộ - La Sơn, Nha Trang - Cam Lâm, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây; cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu.

<sup>108</sup> Bao gồm: đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, Tuyên Quang - Phú Thọ, Hòa Bình - Mộc Châu, Tuyên Quang - Hà Giang, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Cao Lãnh - An Hữu, Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>109</sup> Dự án Cao Lãnh - Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; Chợ Mới - Bắc Kạn, Hòa Liên - Túy Loan. Dự án 3 cao tốc trục Đông - Tây gồm: Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

<sup>110</sup> Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2017 - 2020; Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 - 2025 và Dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành.

<sup>111</sup> Thủ tướng Chính phủ đã họp nhất và kiện toàn Ban Chỉ đạo Nhà nước về các công trình, dự án trọng điểm quốc gia, trọng điểm ngành GTVT tại QĐ số 884/QĐ-TTg ngày 23/7/2022.

giải pháp kịp thời để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, triển khai thi công các dự án. Kịp thời ban hành 02 Nghị quyết của Chính phủ<sup>112</sup> về việc áp dụng cơ chế đặc thù về nguồn vật liệu thi công.

#### b) Về hạ tầng số

Việc đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông tiếp tục được coi trọng. Đã ban hành Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030<sup>113</sup>; xây dựng Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thường xuyên rà soát, đánh giá, hoàn thiện Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin mạng. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành tiếp tục được hoàn thiện. Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu được nâng cấp và nâng cao hiệu quả sử dụng.

#### c) Về hạ tầng năng lượng

Để đẩy mạnh phát triển hạ tầng năng lượng, cũng như thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội và phát triển hạ tầng năng lượng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy hoạch điện VIII để bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, cũng như định hướng phát triển các nguồn năng lượng để đảm bảo đầu tư hiệu quả nhất.

Việc vận hành thị trường điện đã đẩy mạnh tính minh bạch trong huy động các nhà máy điện, tạo môi trường cạnh tranh giữa các đơn vị phát điện, tăng cường tính chủ động của các nhà máy điện trong công tác vận hành, đồng thời từng bước xóa bỏ độc quyền trong ngành điện theo đúng tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### d) Về hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu

Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, đồng bộ, nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu<sup>114</sup>. Công tác phòng, chống thiên tai được đặc biệt quan tâm; đã hoàn thiện bộ máy tổ chức, khuôn khổ pháp lý và các chính sách ưu tiên nâng cao năng lực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm chính.

#### đ) Về kết cấu hạ tầng thương mại

Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng chợ của cả nước là 8.517 chợ, giảm 31 chợ so với năm 2021; số lượng trung tâm thương mại (TTTM) là 258 TTTM, tăng 04 TTTM so với năm 2021. Số lượng siêu thị, TTTM tăng nhanh nhưng phân bố không đều, tập trung chủ yếu và phát triển mạnh ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Tỷ trọng số lượng siêu thị, TTTM trong tổng số loại hình hạ tầng thương mại

<sup>112</sup> Các Nghị quyết số 60/NQ-CP năm 2021, số 133/NQ-CP năm 2022.

<sup>113</sup> Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>114</sup> Đến nay, các công trình thủy lợi được đầu tư đã tăng dung tích hồ chứa thêm trên 1,4 tỷ m<sup>3</sup>; diện tích tưới trực tiếp tăng thêm 133,5 nghìn ha; kiểm soát mặn, giữ ngọt cho trên 1,1 triệu ha; củng cố, tu bổ khoảng 1.320 km đê; 5.482 hồ chứa vừa và nhỏ được đảm bảo an toàn.

chủ yếu (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại) tuy tăng nhưng còn thấp<sup>115</sup>.

2.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

a) Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Luật Giáo dục 2019. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi<sup>116</sup>; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở<sup>117</sup>, bảo đảm mọi công dân trong độ tuổi đều được học tập và đạt đến trình độ học vấn nhất định theo quy định của pháp luật. Chất lượng giáo dục phổ thông đại trà tiếp tục được cải thiện theo hướng nâng cao chất lượng, giảm áp lực thành tích; nhiều mô hình giáo dục, nhiều phương pháp dạy học tích cực được đưa vào ứng dụng trong tổ chức dạy học giúp học sinh tiếp cận kiến thức dễ dàng và hiệu quả hơn trước đây.

Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX) ngày càng phát triển, đa dạng các loại hình giáo dục. Chương trình GDTX về cơ bản đã được cập nhật và hoàn thiện. Chương trình GDTX cấp THCS, THPT đã được đồng bộ, thực hiện theo lộ trình với chương trình giáo dục phổ thông và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo của Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Chương trình Giáo dục phổ thông được xây dựng một cách bài bản, theo một quy trình chặt chẽ, từ chương trình tổng thể đến các chương trình môn học, hoạt động giáo dục; từ xây dựng, ban hành chương trình đến biên soạn, thẩm định sách giáo khoa., bảo đảm hiện đại, tinh gọn, khắc phục được những hạn chế của chương trình tiếp cận nội dung như hiện hành, nội dung giáo dục thiết thực hơn, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực tế; phát huy sự chủ động, sáng tạo của học sinh. Dạy và học ngoại ngữ tiếp tục được tăng cường từ mầm non đến đại học. Các cơ sở giáo dục đại học triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo, góp phần hỗ trợ sinh viên học và sử dụng ngoại ngữ bảo đảm yêu cầu, chất lượng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ khi tốt nghiệp.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục, trọng tâm là Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng. Sử dụng các phương thức xét tuyển<sup>118</sup> để tuyển sinh, bảo đảm khách quan, công bằng, nâng cao chất lượng đầu vào. Xây dựng dự thảo phương án tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện tự chủ đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và tăng

<sup>115</sup> Năm 2010 tỷ trọng của siêu thị, TTTM là 6,13% và 1,02%; đến năm 2022 là 12,39% và 2,58%.

<sup>116</sup> Cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% đơn vị cấp huyện duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 99,94% đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,78%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 99,7%. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi được học 2 buổi/ngày đạt 99,9%.

<sup>117</sup> Đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, trong đó có 18/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 3 (năm 2016 mới có 12/63 tỉnh, thành phố). Hiện nay có 63/63 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, 19/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 2, mức độ 3.

<sup>118</sup> Bảng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tuyển bằng học bạ, xét tuyển thẳng, xét tuyển ưu tiên và xét tuyển đại học bằng kỳ thi riêng của trường.



cường nghiên cứu khoa học. Đã trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật để mở rộng quyền tự chủ và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học. Đẩy mạnh triển khai tự chủ đại học hiệu quả, đi vào thực chất; tích cực triển khai xây dựng Đề án tự chủ đại học ở Việt Nam.

Việc tuyển sinh và tổ chức đào tạo ở các trình độ của giáo dục đại học tăng mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo được nâng cao, cơ bản đáp ứng nguồn nhân lực trình độ cao, nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và nhu cầu học tập của người dân. Công tác đảm bảo chất lượng ngày càng được các cơ sở giáo dục đại học quan tâm<sup>119</sup>.

Vai trò của các cơ sở giáo dục đại học trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ tiếp tục được khẳng định; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo<sup>120</sup>. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng hiệu quả; nhiều cơ sở giáo dục đại học đã có sự điều chỉnh về cơ cấu ngành nghề, mở mới và nâng cao chất lượng các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật...

b) Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) giai đoạn 2021-2030<sup>121</sup>; tập trung xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN<sup>122</sup> và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện khâu đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đồng các khu công nghiệp, khu chế xuất để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho phục hồi kinh tế, bảo đảm thích ứng với điều kiện sản xuất mới được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 phức tạp, qua đó góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề.

Tập trung triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030, Chương trình phục hồi và phát triển thị trường lao động...; có giải pháp để duy trì lực lượng lao động, không để đứt gãy chuỗi cung ứng nguồn lao động cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; hỗ trợ việc làm cho lao động từ vùng dịch trở về địa phương...

Triển khai đồng bộ các chính sách trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà tốt cho sự phục hồi và phát triển thị trường lao động. Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính

<sup>119</sup> Tính đến ngày 31/5/2023, toàn quốc có 1.198 chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được kiểm định, trong đó có 805 chương trình đào tạo được các tổ chức trong nước kiểm định và 393 chương trình đào tạo được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài; có 183 cơ sở giáo dục đại học đạt kiểm định chất lượng, trong đó có 09 cơ sở được kiểm định bởi tổ chức kiểm định nước ngoài.

<sup>120</sup> Theo kết quả tổng hợp từ cơ sở dữ liệu Scopus của Nhà xuất bản Elsevier, trong giai đoạn 2018 - 2022, Việt Nam có 76.672 công bố, trong đó kể từ năm 2020 đến nay số lượng công bố hàng năm đều đạt trên 18.000 bài; Trong số 10 tổ chức của Việt Nam có công bố quốc tế cao nhất năm 2022, có 09 tổ chức là các cơ sở giáo dục đại học.

<sup>121</sup> Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>122</sup> Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội. Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để có những giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đẩy mạnh tổ chức các sàn giao dịch việc làm, tăng cường hoạt động kết nối, giới thiệu việc làm; ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước.

Tổ chức triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương. Đẩy nhanh quá trình phát triển Chính phủ số cùng với việc ban hành chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bổ sung các quy định mới về cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến phù hợp với thực tiễn và sự phát triển khoa học, công nghệ<sup>123</sup>.

Ban hành và tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 với hơn 200 doanh nghiệp đã được hướng dẫn xây dựng lộ trình và triển khai chuyển đổi số một cách bài bản; hàng ngàn doanh nghiệp tại gần 40 địa phương được đào tạo, nâng cao nhận thức và hơn 2 triệu lượt tiếp cận các tài liệu được số hóa và công bố rộng rãi. Nhiều doanh nghiệp đã bước vào giai đoạn số hóa dữ liệu, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số và tiến tới chuyển đổi số ở phạm vi rộng và đồng bộ hơn.

Nghiên cứu quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo đúng yêu cầu cải cách của Nghị quyết số 27-NQ/TW<sup>124</sup>; xây dựng các phương án triển khai đồng bộ các nội dung của chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, gồm: (i) Tăng mức lương thấp nhất của khu vực công bằng mức lương thấp nhất bình quân vùng của khu vực doanh nghiệp; (ii) Mở rộng quan hệ tiền lương; (iii) Sắp xếp lại các chế độ phụ cấp và cơ cấu lại tỷ lệ giữa lương cơ bản và phụ cấp; (iv) Bổ sung quỹ tiền thưởng; đồng thời, đề xuất Phương án điều chỉnh các năm tiếp theo.

c) Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật để huy động mọi nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia<sup>125</sup>.

Tiếp tục hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ

<sup>123</sup> Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

<sup>124</sup> Thay thế Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

<sup>125</sup> 01 văn bản của Đảng, 01 văn bản Luật, 06 văn bản cấp Chính phủ, 24 văn bản cấp Thủ tướng Chính phủ, 41 văn bản cấp Bộ (Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ); kiến nghị Quốc hội ghi nhận các quan điểm khi thực hiện sửa đổi, bổ sung Luật Khoa học và Công nghệ; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng sản phẩm.

và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Tập trung nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng cơ chế tự chủ đặc thù của tổ chức khoa học và công nghệ trong giai đoạn tới.

Triển khai nhiều chương trình, hoạt động nhằm thu hút, kết nối các nguồn lực chất lượng cao cả trong và ngoài nước để hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại Việt Nam<sup>126</sup>; kết nối các công ty khởi nghiệp sáng tạo với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút dòng vốn mạo hiểm đầu tư vào khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam thông qua việc tổ chức Diễn đàn Quỹ đầu tư Khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam thường niên. Tổ chức các chương trình, hoạt động lớn nhằm lan tỏa giá trị của đổi mới sáng tạo, thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước và quốc tế và nhiều chuyên gia uy tín, có trình độ cao trong nước và quốc tế<sup>127</sup>.

d) Xây dựng khung pháp lý cho hoạt động của các khu CNC, tạo điều kiện thuận lợi để các khu CNC phát triển hiệu quả và bền vững<sup>128</sup>. Hướng dẫn các địa phương trong việc quy hoạch, thành lập, mở rộng khu CNC. Thành lập Tổ công tác liên ngành để rà soát, đánh giá quy định pháp luật về khu CNC, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, bất cập, khuyến khích và thu hút đầu tư đối với các loại hình khu CNC.

Hoàn thiện hành lang pháp lý về sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) của doanh nghiệp<sup>129</sup>, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực. Các chương trình nghiên cứu cơ bản tiếp tục hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao. Xây dựng Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập, phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước.

Đẩy nhanh việc xây dựng cơ chế và triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới, trước hết đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong một số dự án KH&CN<sup>130</sup>. Tái cơ cấu và triển khai đồng bộ các Chương trình KH&CN giai đoạn 2021-2030, trong đó tập trung xây dựng thực hiện các Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội, gắn kết chặt chẽ với khoa học tự nhiên và công nghệ<sup>131</sup>.

<sup>126</sup> Như: Dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (ADB Ventures); Chương trình Phát triển nhân tài số và Google for Startups, Startup Academy Vietnam; Hoạt động phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp (USAID WISE)...

<sup>127</sup> Như: Triển lãm quốc tế Đổi mới sáng tạo Việt Nam; Chương trình Thách thức Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023

<sup>128</sup> Trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về Khu CNC.

<sup>129</sup> Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

<sup>130</sup> Trong năm 2023, tập trung xây dựng Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất kinh doanh.

<sup>131</sup> Đã phê duyệt phê duyệt 22 Chương trình KHCN cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025 và 2021-2030, trong đó có 05 Chương trình khoa học xã hội và nhân văn: (1) Nghiên cứu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới; (2) Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn nhân lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước; (3) Xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo động lực phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới; (4) Nghiên cứu các vấn đề

Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trọng tâm là: (i) phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, tăng cường gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp với mục tiêu đưa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh; (ii) triển khai đồng bộ các chương trình nghiên cứu cơ bản để hỗ trợ các tổ chức KH&CN thực hiện nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế; (iii) Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập, trong đó có hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; (iv) đề xuất các chính sách về tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức KH&CN công lập để đẩy nhanh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức KH&CN công lập ...

đ) Ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Tăng cường giải quyết thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Triển khai các hoạt động tăng cường sự phù hợp của hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế và các Hiệp định liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung hợp tác về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo với các đối tác chiến lược của Việt Nam; thúc đẩy sự tham gia, đóng góp và nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực<sup>132</sup>. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước với các đối tác nước ngoài; tăng cường thu hút nguồn lực KH&CN từ nước ngoài thông qua các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Cơ bản hoàn thiện việc xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở Hà Nội của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Đây được đánh giá là Trung tâm Đổi mới sáng tạo hàng đầu Việt Nam hiện nay với sự tham gia của các thành tố trong Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo: Doanh nghiệp, Tập đoàn công nghiệp trong và ngoài nước, Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Startup, Quỹ đầu tư... Cơ sở của Trung tâm tại Khu CNC Hòa Lạc (NIC Hòa Lạc) dự kiến đi vào hoạt động từ cuối tháng 10/2023. Với cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất áp dụng cho Trung tâm, cùng với các cơ sở hoạt động được đầu tư xây dựng hiện đại và có quy mô lớn nhất cả nước, NIC Hòa Lạc đang và sẽ là nơi thu hút, tập trung các đối tác hàng đầu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên thế giới, cũng như các tài năng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách

quốc tế và khu vực nhằm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; (5) Nghiên cứu đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.

<sup>132</sup> IAEA, WIPO, APEC, ASEAN, UNESCO, APO, hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Kông.

phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các Đề án phát triển Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đang được triển khai xây dựng.

Tổ chức các hoạt động kết nối trực tiếp và trực tuyến tại Sàn Giao dịch thông tin, công nghệ, thiết bị<sup>133</sup>; kết nối liên thông với các Sàn Giao dịch công nghệ địa phương<sup>134</sup>. Hỗ trợ, tư vấn việc thành lập tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ<sup>135</sup>. Tích cực triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025<sup>136</sup>. Đẩy mạnh hợp tác liên kết ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo giữa các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước với các đối tác quốc tế như Lào<sup>137</sup>, Hàn Quốc<sup>138</sup>. Triển khai Techfest quốc gia năm 2021, 2022, chuẩn bị triển khai Techfest quốc gia năm 2023. Thiết lập mạng lưới đối tác gồm các đại diện tiêu biểu của các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gồm: cơ quan Chính phủ; doanh nghiệp - tập đoàn lớn; Startup; quỹ đầu tư; viện nghiên cứu - trường đại học và mạng lưới chuyên gia - trí thức; các Trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

## 2.7. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị

a) Xây dựng cơ chế, chính sách, hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp lý để thúc đẩy phát triển liên kết vùng

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội nhằm tăng cường vai trò điều phối liên kết vùng của chính quyền trung ương, tạo kênh thông tin, thúc đẩy liên kết chính quyền địa phương trong vùng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh vùng, huy động đa dạng các nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động, dự án liên kết vùng, tận dụng nội lực và ngoại lực của các địa phương trong vùng, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội vùng bền vững. Nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành nhiều văn bản thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng<sup>139</sup>. Kịp thời ban hành các Chương trình hành động của Chính phủ với những nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho 06 vùng kinh tế - xã hội<sup>140</sup>.

<sup>133</sup> 6 tháng đầu năm 2023 đã: (1) Phối hợp tổ chức thành công Triển lãm Quốc tế về công nghệ phân tích, thí nghiệm, chẩn đoán và công nghệ sinh học 2023; (2) Đã tổ chức hàng chục sự kiện triển lãm, tọa đàm, hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ và thiết bị mới.

<sup>134</sup> TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Giang, Huế.

<sup>135</sup> Hiện cả nước có trên 800 tổ chức trung gian, trong đó có 22 sàn giao dịch công nghệ cấp tỉnh, 2 sàn giao dịch công nghệ cấp vùng đang hoạt động.

<sup>136</sup> Đã phê duyệt 17 nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm 2022, đang xét duyệt nhiệm vụ trong kế hoạch năm 2023.

<sup>137</sup> Tổ chức Chương trình Tech-Innovation Lào-Vietnam 2023.

<sup>138</sup> Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest) với quy mô quốc tế tại Hàn Quốc.

<sup>139</sup> Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ; Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>140</sup> Bao gồm các NQ số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 ban hành CTHĐ của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KTXH và bảo đảm QPAN ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 (vùng đồng bằng



Hội đồng điều phối các vùng kinh tế - xã hội đã được thành lập đầy đủ do Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng theo hướng bền vững, toàn diện, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh<sup>141</sup>. Việc thành lập các Hội đồng điều phối vùng nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng an ninh. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô<sup>142</sup> để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động liên kết vùng. Các Hội đồng điều phối vùng đã tổ chức các Hội nghị để công bố và ra mắt Hội đồng, thảo luận về Kế hoạch hoạt động trong thời gian tới, một số cơ chế, chính sách đặc thù.

b) Tổ chức triển khai xây dựng và thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng<sup>143</sup>. Nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy phát huy giá trị đóng góp vào nền kinh tế quốc gia tại khu vực đô thị, trong đó bước đầu tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện các chính sách, công cụ thúc đẩy việc tái cấu trúc không gian phát triển đô thị, phát huy nguồn lực theo hướng hiệu quả hơn về sử dụng đất đai, không gian đô thị, cụ thể: (i) thúc đẩy chính sách có liên quan đến mô hình phát triển đô thị theo hướng hiệu quả như mô hình đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu; (ii) Khuyến khích mô hình phát triển đô thị TOD, mô hình đô thị - công nghiệp - dịch vụ, đô thị di sản, đô thị cửa khẩu, đô thị ven biển, đô thị sân bay...; (iii) Xây dựng thương hiệu đô thị; (iv) Đề xuất Chương trình cải tạo chỉnh trang tái thiết đô thị; (v) Nghiên cứu các giải pháp gia tăng giá trị thặng dư trong sử dụng không gian đô thị. Các giải pháp này đang được nghiên cứu để lồng ghép trong các chính sách của dự án Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị.

Tích cực triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/BCT ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch phát triển đô thị, gắn xây dựng quy hoạch, kế hoạch và thực hiện quy hoạch, kế hoạch với phát triển thị trường nhà ở, bất động sản.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và có hiệu quả Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030,

sông Cửu Long); số 152/NQ-CP (vùng Tây Nguyên); số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 (vùng Đông Nam Bộ); số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 (vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ); số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 (vùng đồng bằng sông Hồng).

<sup>141</sup> Các Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 19/8/2022 (Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc); số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 (Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ); số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 (Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ); số 826/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 (Hội đồng điều phối vùng ĐBSH); số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 (Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên) và số 974/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 (Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long).

<sup>142</sup> Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>143</sup> Ủy ban nhân dân các thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã xây dựng dự thảo Đề án; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc hoàn thiện dự thảo Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo.

Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030, Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030, Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh nghiên cứu các mô hình phát triển đô thị gắn với vị trí địa lý, chức năng, vai trò và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội để làm cơ sở nghiên cứu xây dựng Luật về quản lý phát triển đô thị.

c) Tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Chính phủ đã ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch<sup>144</sup>; Nghiên cứu sửa đổi quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi<sup>145</sup>; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội để tạo nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển.

d) Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030 đã được phê duyệt<sup>146</sup> và triển khai thực hiện với các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia có gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển kinh tế đất nước.

2.8. Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội

a) Phát triển văn hóa đồng bộ, tương xứng với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa; đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao

Tiếp tục triển khai Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa giai đoạn 2021-2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được khôi phục bảo tồn và là sản phẩm đặc sắc trong phát triển du lịch. Sự tham gia trực tiếp của cộng đồng, của chủ thể văn hóa vào hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng được chú trọng. Trong giai đoạn 2021 đến nay, nhiều di sản văn hóa tiêu biểu của Việt Nam được UNESCO ghi danh<sup>147</sup>. Đã ban hành Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Nghị định số

<sup>144</sup> Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

<sup>145</sup> Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

<sup>146</sup> Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>147</sup> Gồm: Nghệ thuật làm Gốm của người Chăm được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp; Di sản tư liệu “Bia ma nhai Ngũ Hành Sơn” và “Hệ thống văn bản làng Trường Lưu, Hà Tĩnh (1689-1943)” được ghi vào Danh mục di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển từng giai đoạn, góp phần cải thiện điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa với một số luật, nghị định, thông tư, quyết định được sửa đổi, bổ sung, ban hành<sup>148</sup>. Triển khai đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao theo Đề án Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030; Đề án “Tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”.

Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa”, phong trào “xây dựng thôn, bản, xã, phường văn hóa, gia đình văn hóa” và “Chương trình xây dựng nông thôn mới” trong tất cả các đối tượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, công nhân viên chức, nông dân, lực lượng vũ trang, người khuyết tật. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, thể lực, phòng, chống bệnh tật giai đoạn 2021-2025. Hàng năm triệu tập trên 2.500 lượt vận động viên, trên 600 lượt huấn luyện viên tập huấn tại Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh để chuẩn bị tham dự các sự kiện thể thao quốc tế.

b) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số; thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân và phát huy lợi thế, kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại.

Tăng cường các hoạt động giám sát chương trình tầm soát trước sinh và sơ sinh tại các trung tâm sàng lọc và một số địa phương. Tiếp tục đưa các nội dung của Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025 vào chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, hương ước, quy ước thôn, bản, tổ dân phố. Triển khai xây dựng Đề án mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

<sup>148</sup> Như Luật Sở hữu trí tuệ quy định việc bảo hộ và thực thi có hiệu quả tài sản quyền tác giả, quyền liên quan, đặc biệt trên môi trường kỹ thuật số và mạng internet; Luật Điện ảnh quy định phát triển công nghiệp điện ảnh phù hợp với quy luật thị trường và điều ước quốc tế; Luật Kiến trúc quy định việc bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc; Luật Du lịch quy định phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, khai thác lợi thế của từng địa phương và tăng cường liên kết vùng.

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển y tế với nhiều hình thức như vay vốn từ các tổ chức tín dụng, huy động từ cán bộ, nhân viên y tế; đầu tư theo hình thức đối tác công – tư, liên doanh liên kết; thực hiện dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu trong bệnh viện công lập. Y tế tư nhân tiếp tục phát triển cả về quy mô và số lượng, góp phần tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Số bệnh viện tư nhân tăng từ 272 bệnh viện năm 2020 lên 320 bệnh viện năm 2022, trên 38 nghìn phòng khám tư nhân, 43 nghìn nhà thuốc. Một số đô thị, thành phố đã triển khai mô hình bác sỹ gia đình tư nhân với 340 phòng khám bác sỹ gia đình ở 14 tỉnh, thành phố. Trạm y tế cấp xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử. Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt 77,5%.

Hỗ trợ phát triển vùng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Xây dựng tiêu chí đặc thù y, dược cổ truyền trong Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.

c) Nâng cao năng lực của hệ thống y tế, bảo đảm an ninh y tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp dược, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng. Chú trọng công tác dự phòng, tiêm chủng, sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời.

Tổ chức tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 22/01/2002 của Ban Bí thư về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở và xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư về phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới. Xây dựng bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030. Triển khai thực hiện Đề án, dự án nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế; chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc trong việc đấu thầu, mua sắm thuốc, thiết bị vật tư y tế tại các bệnh viện<sup>149</sup>.

Ban hành, thường xuyên cập nhật các hướng dẫn chuyên môn về chẩn đoán, điều trị COVID-19, kiểm soát nhiễm khuẩn, xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị các bệnh mạn tính trong bối cảnh COVID-19, an toàn tiêm chủng...Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; tiếp tục triển khai các Đề án Khám chữa bệnh từ xa giai đoạn 2020-2025.

d) Các chính sách BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Tập trung sửa đổi Luật BHXH; quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động<sup>150</sup>. Hướng dẫn thực hiện chính sách lao động, tiền lương cho doanh nghiệp và người lao động, góp phần ổn định tình hình quan hệ lao động trong doanh nghiệp, giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 đến thu nhập, tiền lương của người lao động.

<sup>149</sup> Ban hành Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023.

<sup>150</sup> Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

Công tác truyền thông chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) được tập trung nguồn lực đổi mới theo hướng hiện đại, đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng miền và các chủ thể tham gia BHXH, BHYT. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác truyền thông chính sách BHXH, BHYT có sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của Bộ, ngành Trung ương, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân về vai trò, trách nhiệm cũng như mục đích, ý nghĩa của việc tham gia BHXH, BHYT, góp phần tạo niềm tin sâu sắc trong toàn xã hội về các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách BHXH, BHYT nói riêng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả, nhất là các chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi COVID-19, chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội, chính sách, chương trình giảm nghèo...; đời sống người có công với cách mạng, người nghèo không ngừng được nâng lên, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác được chăm lo chu đáo. Các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, đem lại hiệu quả rất lớn, thiết thực cho người dân.

#### d) Thực hiện hiệu quả các CTMTQG

Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các CTMTQG luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, thường kỳ của Chính phủ, được Thủ tướng Chính phủ quan tâm và chỉ đạo sát sao, quyết liệt. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định thành lập và kiện toàn<sup>151</sup> Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế<sup>152</sup> hoạt động của Ban Chỉ đạo để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Chỉ đạo và quy định bộ phận giúp việc, cơ chế phối hợp trong công tác tham mưu các giải pháp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các CTMTQG. Hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai các CTMTQG đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo cơ sở pháp lý cho triển khai tổ chức thực hiện các CTMTQG<sup>153</sup>.

Từ năm 2021 đến tháng 8 năm 2023, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức 09 Hội nghị trực tuyến toàn quốc hoặc Hội nghị cấp khu vực (trong đó riêng 8 tháng đầu năm 2023 đã tổ chức 01 Hội nghị trực tuyến toàn quốc và 06 Hội nghị trực tuyến tại các khu vực); Trưởng Ban chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra thực địa để tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các chương trình. Bên cạnh đó, các cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần đã ban hành các văn bản, chủ động tổ chức các hội nghị, hội thảo, các đoàn

<sup>151</sup> Tại các Quyết định: số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021, số 186/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>152</sup> Quyết định số 18/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

<sup>153</sup> Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương đã ban hành 34 văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm 03 Nghị định của Chính phủ, 10 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 21 Thông tư cấp bộ); 75 văn bản thông thường để quy định, hướng dẫn thực hiện các nội dung, dự án thành phần thuộc các CTMTQG (bao gồm 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 57 văn bản cấp bộ).



công tác, tổ chuyên gia để kiểm tra, đôn đốc nắm bắt tình hình và hướng dẫn thực hiện các chương trình. Thông qua công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương đã kịp thời nắm bắt, tham mưu cho Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ nhiều giải pháp chỉ đạo, điều hành tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, Hội nghị trực tuyến với các địa phương, chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về xử lý các vướng mắc, khó khăn, quyết định việc sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách còn bất cập để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình.

e) Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững; Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>154</sup> và Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030<sup>155</sup>.

Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thành lập Tổ công tác liên ngành để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ tại một số địa phương. Nghiên cứu, đề xuất chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo khu vực nông thôn theo chuẩn nghèo giai đoạn mới; Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt và các chương trình hỗ trợ nhà ở khác.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản, chú trọng khuyến khích phát triển sản phẩm bất động sản đáp ứng nhu cầu lớn của xã hội như nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá phù hợp. Thường xuyên bám sát tình hình thị trường bất động sản để kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật, thiên tai, tác động của dịch COVID-19 đối với thị trường bất động sản.

g) Các vấn đề xã hội tiếp tục được quan tâm. Tăng cường, nâng cao công tác hoàn thiện thể chế, tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030. Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động về bình đẳng giới được chú trọng<sup>156</sup>. Tổ chức hướng dẫn thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 nhằm phát triển

<sup>154</sup> Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021.

<sup>155</sup> Quyết định 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023.

<sup>156</sup> Trong 2 năm, đã tổ chức trên 30 lớp tập huấn với trên 2.500 đại biểu (hơn 1/3 đại biểu là nam giới) của các bộ ngành, địa phương tham dự về các chủ đề hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, giới trong hội nhập và tăng trưởng xanh, ngân sách có trách nhiệm giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

toàn diện thanh niên, phù hợp với quy định của Luật Thanh niên và yêu cầu phát triển thanh niên trong giai đoạn mới.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Hướng dẫn các địa phương triển khai công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ. Rà soát mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách về phòng, chống mại dâm. Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về công tác hỗ trợ nạn nhân và hướng dẫn các địa phương triển khai công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán<sup>157</sup>.

h) Tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các chính sách dân tộc nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030<sup>158</sup>. Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ<sup>159</sup> thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>160</sup>. Nghiên cứu, xây dựng Đề án rà soát, đánh giá tổng thể các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về công tác dân tộc<sup>161</sup>; Chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia về những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và công tác dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030 giai đoạn II (2021-2025).

i) Thực hiện thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng của Đảng và Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quốc phòng, an ninh, kinh tế diễn ra trong nước cũng như tình hình khu vực và quốc tế. Bên cạnh việc đăng tải trên các kênh thông tin, việc lan tỏa thông tin đấu tranh, phản bác trên các nền tảng truyền thông đã tạo nên sức mạnh đồng bộ, hiệu quả trên lĩnh vực thông tin, tuyên truyền.

Quản lý thông tin, từng bước làm trong sạch không gian mạng với mục tiêu “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, duy trì ngưỡng tỷ lệ thông tin an toàn. Xuất bản nhiều ấn phẩm có nội dung phản biện, đấu tranh với những tư tưởng sai trái, lệch lạc, đi ngược với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Áp dụng các chế tài đảm bảo xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, đặc biệt là hành vi đưa thông tin sai sự thật. Ban hành các kế hoạch truyền thông, tạo chuyển biến rõ nét trong công tác tuyên truyền, đảm bảo thống nhất, kịp thời, chính xác thông tin về tình hình, quan điểm chỉ đạo, giải pháp chống dịch hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng

<sup>157</sup> Trong năm 2022, số người được tiếp nhận, xác minh là 476 người; xác định 255 người là nạn nhân bị mua bán, hỗ trợ cho 252 nạn nhân.

<sup>158</sup> Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2021 của Chính phủ về công tác dân tộc.

<sup>159</sup> Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022.

<sup>160</sup> Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022.

<sup>161</sup> Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/2023.

Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia trên phạm vi toàn quốc.

2.9. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt tập trung vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, kiểm kê khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon và bảo vệ tầng ô-dôn; nâng cao nhận thức nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường. Đổi mới phương thức tuyên truyền, tổ chức các sự kiện về môi trường đảm bảo việc phòng chống dịch hiệu quả trong bối cảnh dịch COVID-19, qua đó đã thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập<sup>162</sup>; ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>163</sup>. Chỉ đạo vận hành hợp lý hệ thống thủy lợi và các hồ chứa nước thủy điện nhằm hạn chế tác động xấu do xả lũ và tăng khả năng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước. Ban hành Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030 của Liên hợp quốc

Các chính sách/hướng dẫn chung để triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đã được ban hành tương đối đồng bộ, đầy đủ và góp phần rất lớn vào việc quốc gia hóa và thực hiện các mục tiêu SDGs tại Việt Nam. Các mục tiêu phát triển bền vững SDGs đã trở thành định hướng xuyên suốt cho các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; các chiến lược, chính sách trên ngành/lĩnh vực đã tích hợp toàn diện các mục tiêu SDGs; đã chú ý và lồng ghép tốt hơn các nhóm yếu thế như người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em, phụ nữ để bảo đảm tinh thần “Không ai bị bỏ lại phía sau” của Chương trình nghị sự 2030 và đồng thời hướng tới các mục tiêu/cam kết toàn cầu về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển đất nước...

c) Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc bảo vệ tài nguyên nước; ban hành quy định về xử lý vi phạm pháp luật về hành lang bảo vệ nguồn nước<sup>164</sup>. Ban hành các tiêu chí, trách nhiệm, lộ trình và cơ chế khuyến khích áp dụng kinh

<sup>162</sup> Đã trình Quốc hội dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); ban hành Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước.

<sup>163</sup> Quyết định số 1595/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>164</sup> Đã quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

tế tuần hoàn<sup>165</sup>; triển khai xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn. Chia sẻ thông tin, dữ liệu vận hành hồ chứa nhằm phục vụ công tác dự báo khí tượng thủy văn và phòng chống thiên tai nhằm ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

Công tác đánh giá tác động môi trường được đổi mới, nâng cao chất lượng, cải tiến quy trình, thủ tục nhằm phát huy vai trò, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc sàng lọc, kiểm soát định hướng, quy hoạch, dự án đầu tư phát triển phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường. Thông qua công tác đánh giá tác động môi trường, các chiến lược, quy hoạch phát triển đã có sự điều chỉnh các định hướng phát triển, bố trí không gian phát triển và đầu tư phù hợp hơn về môi trường.

Tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án và triển khai giải pháp đề phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng; lũ ống, lũ quét, sạt lở núi ở khu vực trung du, miền núi tại Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025<sup>166</sup>; Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025. Đồng thời theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, chủ động phòng ngừa; kiểm soát an toàn thiên tai; chỉ đạo kịp thời ứng phó mưa lũ, khắc phục hiệu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại.

d) Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về tài nguyên và môi trường được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan trung ương và địa phương, lực lượng cảnh sát môi trường nhằm tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn như vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai, chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đồng thời kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong thi hành pháp luật để sửa đổi, bổ sung.

2.10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; thực hiện cải cách tiền lương; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo

a) Xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030<sup>167</sup> đồng thời đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh triển khai Đề án chuyển đổi số của giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó đã tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

Tập trung đẩy mạnh thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện công tác CCHC trên các lĩnh vực, đặc biệt là cải cách TTHC nội bộ, kết nối chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc cung cấp trực tuyến đối với 25 dịch vụ công thiết yếu; 100%

<sup>165</sup> Tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

<sup>166</sup> Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022.

<sup>167</sup> Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021.

các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử; đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá cải cách hành chính phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. Đề án của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) được triển khai quyết liệt; đã hoàn thành tích hợp 21/25 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu. Đến tháng 6/2023, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 90% trên tổng dịch vụ công.

Thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để tập trung chỉ đạo; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và phân công của Chính phủ. Xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, không tổ chức phòng trong vụ<sup>168</sup>, tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức không đáp ứng các tiêu chí thành lập<sup>169</sup>; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện<sup>170</sup>. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành đã giảm được 301 đầu mối tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập<sup>171</sup>; Sở Nội vụ các địa phương đã rà soát, tham mưu UBND tỉnh để giảm 115 tổ chức bộ máy hành chính và 226 đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tập trung nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý cán bộ, công chức, viên chức<sup>172</sup> nhằm thực hiện chủ trương “*phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm*”<sup>173</sup>. Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tăng cường phân cấp thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới.

Nghiên cứu, bổ sung quy định về căn cứ miễn nhiệm, chấp thuận từ chức<sup>174</sup> đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tác động tiêu cực đến đời sống của nhân dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cá thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết

<sup>168</sup> Trừ trường hợp đặc biệt phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định.

<sup>169</sup> Đến nay, 26/27 Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành đã được Chính phủ ban hành, còn 01 cơ quan (Thanh tra Chính phủ) đang hoàn thiện, trình Chính phủ; 03 Bộ, ngành đề xuất tiếp tục thực hiện theo Nghị định hiện hành, gồm: Bộ Công an, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

<sup>170</sup> 18/19 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

<sup>171</sup> Gồm: Giảm 17 Tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục; giảm 10 Cục; giảm 144 Vụ; giảm 22 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành và giảm 108 phòng thuộc Vụ/Ban thuộc bộ, ngành.

<sup>172</sup> Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định: Nghị định số 112/2020/NĐ-CP; Nghị định số 159/2020/NĐ-CP; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

<sup>173</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

<sup>174</sup> Tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.

số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và Kết luận số 34 ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị.

c) Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương<sup>175</sup>.

Xây dựng, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực đáp ứng được các mục tiêu của việc xây dựng vị trí việc làm của hệ thống chính trị: (i) Cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII; (ii) Tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Đã có 16/20 Bộ, cơ quan ngang Bộ<sup>176</sup> ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và 08/15 bộ, cơ quan ngang bộ<sup>177</sup> ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành. Thực hiện chủ trương của Đảng<sup>178</sup> và chỉ đạo của Bộ Chính trị<sup>179</sup>, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập<sup>180</sup>.

d) Tiếp tục thực hiện nghiêm cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và không sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư cho đầu tư xây dựng cơ bản và các mục đích khác nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết 23/2021/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

Năm 2023, đã trình Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội quyết định việc tăng lương cơ sở cho khu vực công lên mức 1,8 triệu đồng/tháng, thực hiện từ ngày 01/7/2023<sup>181</sup> và điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng<sup>182</sup>. Kinh phí tăng thêm cơ bản được đảm bảo từ các nguồn tích lũy cho cải cách tiền lương của NSTW, NSDP từ trước đến nay. Đây là một bước chuẩn

<sup>175</sup> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 18/10/2022.

<sup>176</sup> 16 Bộ đã ban hành gồm: (1) Bộ Nội vụ; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (4) Bộ Công Thương; (5) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (7) Bộ Ngoại giao; (8) Bộ Khoa học và Công nghệ; (9) Ủy ban Dân tộc; (10) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (11) Bộ Tư pháp; (12) Bộ Thông tin và Truyền thông; (13) Bộ Tài chính; (14) Văn phòng Chính phủ; (15) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (16) Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>177</sup> Gồm: Bộ Nội vụ; Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương; Bộ Y tế; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Khoa học và Công nghệ.

<sup>178</sup> Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

<sup>179</sup> Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>180</sup> Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>181</sup> Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023.

<sup>182</sup> Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023.



bị quan trọng để thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/8/2018 và việc tập trung nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW là điều kiện tiền đề, tạo chủ động trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu cải cách tiền lương đã đặt ra.

d) Nghiên cứu, xây dựng các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung<sup>183</sup>. Tiếp tục triển khai nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm việc kịp thời thể chế hóa quy định của Đảng<sup>184</sup>. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định của Chính phủ về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể: (i) Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023<sup>185</sup>; (ii) Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023<sup>186</sup>; (iii) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020<sup>187</sup>; (iv) Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/3/2022<sup>188</sup>.

Rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật để tạo môi trường, hành lang pháp lý an toàn, đầy đủ cho các bộ, cơ quan, địa phương, cán bộ, công chức yên tâm thực hiện chức trách công vụ theo quy định; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp khác nhằm chấn chỉnh, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm không dám làm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương.

e) Thể chế về trợ giúp pháp lý (TGPL) tiếp tục được hoàn thiện<sup>189</sup>. Công tác quản lý TGPL tiếp tục được tăng cường<sup>190</sup>. Triển khai hiệu quả Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025. Công tác phối hợp về TGPL được các bộ, ngành và địa phương quan tâm<sup>191</sup>.

Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP

<sup>183</sup> Đã dự thảo Nghị định quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung (văn bản số 5238/BNV-CCVC ngày 15/9/2023 của Bộ Nội vụ về việc tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định).

<sup>184</sup> Nghị quyết số 76/2022/QH-XV ngày 15/11/2022 của Quốc hội, Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV.

<sup>185</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>186</sup> Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

<sup>187</sup> Về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>188</sup> Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

<sup>189</sup> Thông tư số 52/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức TGPL.

<sup>190</sup> Như: (i) Xây dựng, hoàn thiện chính sách TGPL đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo NQ số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ; (ii) Kịp thời nắm bắt, giải đáp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị về hoạt động TGPL của địa phương; ....

<sup>191</sup> Sáu tháng đầu năm, cả nước đã tiếp nhận, thực hiện 29.082 vụ việc TGPL; trong đó số vụ việc tham gia tố tụng là 25.213 vụ việc, tăng hơn 10,4% so với cùng kỳ năm 2021.

ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ vừa và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 đã góp phần tháo gỡ vướng mắc pháp lý, phục hồi sản xuất kinh doanh ở các địa bàn khó khăn. Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030”.

Thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, nhất là thúc đẩy rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tỷ lệ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền cao hơn trước, góp phần quan trọng vào việc củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Đôn đốc, kiểm tra việc rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 ngày 07/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

g) Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Thủ tướng Chính phủ; xây dựng nhiều Kế hoạch/Chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; phê duyệt Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập<sup>192</sup> và triển khai thực hiện Định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2022, 2023. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phòng, chống tham nhũng<sup>193</sup>.

Công tác thi hành án dân sự, nhất là trong việc xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, xử lý thu hồi tài sản chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, tín dụng, ngân hàng được quan tâm, tập trung chỉ đạo quyết liệt với sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân<sup>194</sup>. Thể chế về thi hành án dân sự tiếp tục được hoàn thiện<sup>195</sup>; Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp được kiện toàn.

2.11. Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định

<sup>192</sup> Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 28/3/2022.

<sup>193</sup> Trình Quốc hội khóa XV thông qua Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 tại kỳ họp thứ 4; ban hành Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định các cơ quan thanh tra được trích một phần từ các khoản tiền thu hồi phát hiện qua thanh tra sau khi nộp vào NSNN theo Khoản 3, Điều 112 Luật Thanh tra năm 2022.

<sup>194</sup> Trong 2 năm 2021-2022 đã thi hành xong 1.033.601 việc với trên 120.740 tỷ đồng; từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/8/2023 đã thi hành xong 505.433 việc với trên 85.241 tỷ đồng. Kết quả thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/8/2023: Đã thi hành xong 1.910 việc, tương ứng với hơn 20.093 tỷ đồng.

<sup>195</sup> Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự.

## để phát triển đất nước

Tăng cường đầu tư, củng cố tiềm lực quốc phòng về mọi mặt; chủ động dự báo, đánh giá đúng tình hình, tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, phối hợp giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn cả nước. Tập trung xây dựng Quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng thẳng tiến lên hiện đại. Triển khai điều chỉnh tổ chức lực lượng Quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh. Nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, đào tạo, tạo chuyên biến tích cực trong toàn quân. Lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ được quan tâm, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Nền quốc phòng toàn dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc. Tích cực nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về quân sự, quốc phòng, đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển KTXH giai đoạn 2021-2030, ưu tiên đảm bảo phát triển KTXH nhưng không phá vỡ thế trận phòng thủ. Phát huy tốt vai trò trong tham gia phát triển KTXH gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các địa bàn chiến lược, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng, bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia. Các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật, công nghiệp quốc phòng đạt nhiều kết quả tích cực. Hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng được triển khai chủ động, linh hoạt, hiệu quả. Tăng cường hợp tác trong quản lý biên giới. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khắc phục, xử lý hậu quả chiến tranh.

2.12. Xây dựng nền ngoại giao hiện đại, tăng cường hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

a) Công tác ngoại giao chính trị và bảo vệ chủ quyền, biên giới, lãnh thổ được đẩy mạnh

Đường lối đối ngoại của Đại hội XIII tiếp tục được cụ thể hóa, thể chế hóa, tạo khuôn khổ triển khai đồng bộ, toàn diện công tác đối ngoại. Chủ động thúc đẩy thiết lập và nâng cấp khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với một số đối tác quan trọng, qua đó đưa quan hệ với các nước đi vào chiều sâu, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục tranh thủ nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước.

Ngoại giao đa phương từng bước được nâng tầm, chủ động đóng góp vào các quan tâm chung của quốc tế và xây dựng các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu. Đảm nhiệm thành công vai trò tại nhiều cơ chế, diễn đàn đa phương trong Liên hợp quốc<sup>197</sup>; tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình - được cộng đồng quốc

<sup>197</sup> Đảm nhiệm thành công vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021, được bầu làm Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc và thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025.

tế đánh giá cao<sup>198</sup>; xử lý tốt nhiều vấn đề quốc tế quan trọng trên cơ sở lập trường, nguyên tắc nhất quán tôn trọng luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, bảo đảm cao nhất các lợi ích quốc gia - dân tộc. Tích cực đóng góp cho hợp tác trong khuôn khổ APEC, WTO, các cơ chế tiểu vùng Mekong, WEF, OECD, P4G..., vừa góp phần tranh thủ nguồn lực quốc tế, vừa bảo đảm thúc đẩy các quan tâm về an ninh, phát triển.

Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, tạo không gian thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và ứng xử phù hợp với diễn biến trên thực địa và tổng thể quan hệ với các bên liên quan. Chủ trì, tham gia các nhóm đàm phán về các vấn đề trên biển, thúc đẩy xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế. Tiếp tục triển khai các cơ chế, biện pháp quản lý biên giới, tạo thuận lợi qua lại, giao thương biên giới, thúc đẩy hợp tác đầu tư, phát triển thương mại khu vực biên giới.

b) Tiếp tục chú trọng triển khai công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển

Công tác ngoại giao kinh tế với sự vào cuộc ngày càng chủ động, tích cực của các cấp, các ngành và sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo đã góp phần quan trọng vào việc Việt Nam thiết lập quan hệ thương mại với hơn 224 quốc gia và vùng lãnh thổ, mở ra những thị trường xuất khẩu tiềm năng; tích cực vận động, thu hút đầu tư FDI, viện trợ ODA từ các đối tác hàng đầu trên thế giới. Công tác phối hợp liên ngành được đẩy mạnh nhằm triển khai có hiệu quả hội nhập chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội<sup>199</sup>. Nhiều chiến lược, định hướng quan trọng về ngoại giao kinh tế đã được ban hành trong hai năm qua<sup>200</sup>. Công tác hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp với phương châm “lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ” tiếp tục được đẩy mạnh, với nhiều hình thức phong phú, nội dung thực chất, cả trong và ngoài nước<sup>201</sup>.

c) Công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân được quan tâm, chú trọng, triển khai kịp thời và hiệu quả

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kết nối, thu hút nguồn lực doanh nhân, trí thức và các nguồn lực khác của người Việt Nam ở nước ngoài, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam với nhiều hình thức đa dạng; số lượng, quy mô kết nối, hỗ trợ kiều bào ngày càng tăng<sup>202</sup>. Bảo đảm an toàn tính mạng,

<sup>198</sup> Lần đầu tiên nước ta cử lực lượng tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn thảm họa thiên tai xảy ra ở xa lãnh thổ (Thổ Nhĩ Kỳ).

<sup>199</sup> Đến nay, nước ta đã là thành viên của mạng lưới 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) và liên kết kinh tế song phương, đa phương, khu vực và liên khu vực.

<sup>200</sup> Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030; Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 20/02/2023 về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư.

<sup>201</sup> Các bộ, ngành đã phối hợp từng bước tháo gỡ ách tắc hàng hóa tại biên giới với Trung Quốc; tháo gỡ vướng mắc trong vận tải, thanh toán với Nga; xử lý việc Mỹ điều tra chống bán phá giá các mặt hàng của Việt Nam; vận động EC tháo gỡ thuế vàng IUU thủy sản và hỗ trợ các doanh nghiệp trong tranh chấp thương mại. Tổ chức 139 hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư, thúc đẩy xuất khẩu... tại các địa bàn; đẩy mạnh ngoại giao nông sản, thúc đẩy hợp tác Halal, nghiên cứu hợp tác ba bên về an ninh lương thực với EU và châu Phi.

<sup>202</sup> Thành lập Tổ soạn thảo Đề án Thu hút và phát huy hiệu quả các nhà khoa học công nghệ và chuyên gia giỏi người Việt Nam ở nước ngoài; xây dựng 02 Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục

sức khỏe và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân ta ở nước ngoài trong bối cảnh quốc tế có nhiều xung đột và biến động phức tạp<sup>203</sup>.

d) Tăng cường hiệu quả công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước

Công tác ngoại giao văn hóa được triển khai bài bản, có tính kế hoạch và hiệu quả thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa lớn, góp phần tăng cường mối quan hệ với các quốc gia, nâng cao hình ảnh, vị thế của đất nước trong cộng đồng quốc tế, cụ thể: (i) Thực hiện tổng kết 10 năm triển khai Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020, xây dựng Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030<sup>204</sup>; (ii) Triển khai các hoạt động tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài; (iii) Tổ chức Chương trình Tuần/Ngày Việt Nam ở nước ngoài năm 2021 và 2022 tại Thụy Sĩ, Áo, Ấn Độ và Hàn Quốc; (iv) Triển khai sáng tạo, hiệu quả nhiều hoạt động quảng bá văn hóa, đất nước, con người Việt Nam.

2.13. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh có sự chuyển biến tích cực, với nhiều dấu ấn nổi bật trong việc kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn hơn giữa “xây” và “chống”. Đặc biệt, công tác cán bộ tiếp tục được coi trọng hơn, đúng mức hơn với vị trí, vai trò là “then chốt của then chốt”; có nhiều cách làm, quy định mới, hiệu quả cao hơn, gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi và xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, bất kể người đó là ai; không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Xem xét cho thôi giữ chức vụ, cho nghỉ công tác, nghỉ hưu, bố trí công tác khác đối với các cán bộ sau khi bị kỷ luật theo đúng chủ trương của Đảng về việc “có vào, có ra; có lên, có xuống”; thể hiện tinh thần kiên quyết, gương mẫu, nghiêm minh, nhân văn, có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe trong đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên; đồng thời đã khẩn trương chỉ đạo kiện toàn các nhân sự lãnh đạo thay thế, được dư luận cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, đánh giá rất cao.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cũng từng bước được nâng lên, trên cơ sở thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, đặc biệt là Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về vấn đề này. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng tiếp tục được đổi mới, tăng cường trên cơ sở ban hành có chất lượng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ nhiều quy định mới của Đảng, đã góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; tình trạng tham nhũng, “lợi ích nhóm”,

vụ đất nước trong tình hình mới”<sup>202</sup> và Đề án “Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài”.

<sup>203</sup> Đã sơ tán an toàn hơn 6.200 công dân tại Ukraine; đưa về nước hơn 1.600 công dân tại Campuchia, hơn 300 công dân tại Philippines, bảo hộ và đưa về nước hơn 2.000 ngư dân; bảo hộ kịp thời công dân và doanh nghiệp tại Myanmar, Timor Leste, Algeria,...

<sup>204</sup> Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021.

"tư duy nhiệm kỳ"; "chủ nghĩa cá nhân", "tha hoá quyền lực" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; đồng thời, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, kỷ cương, thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

### **3. Kết quả thực hiện các Chương trình, đề án tại Chương trình hành động của Chính phủ**

Theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, trong tổng số 296 nhiệm vụ được Chính phủ giao cụ thể cho 22 bộ, cơ quan trung ương<sup>205</sup>, đến nay có 165 nhiệm vụ hoàn thành. Còn lại 131 nhiệm vụ gồm: 08 nhiệm vụ xin lùi thời gian thực hiện, 22 nhiệm vụ xin rút khỏi chương trình; 77 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương đang triển khai thực hiện (trong đó có 19 nhiệm vụ đã quá hạn); 03 nhiệm vụ chưa hoàn thành do nguyên nhân khác; 09 nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng không tổng hợp do báo cáo của Bộ Quốc phòng là Mật; 11 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương chưa báo cáo; 01 nhiệm vụ có thời gian hoàn thành trong năm 2024, 2025 nên chưa báo cáo tại thời điểm này. Cụ thể như sau:

- 08 nhiệm vụ xin lùi thời gian thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01); Bộ Y tế (01); Bộ Giáo dục và Đào tạo (03); Bộ Xây dựng (02)<sup>206</sup>;

- 22 nhiệm vụ xin rút khỏi chương trình: Bộ Thông tin và Truyền thông (02 nhiệm vụ); Bộ Công Thương (01); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (03); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (03); Bộ Tư pháp (01); Bộ Giáo dục và Đào tạo (03); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01); Bộ Xây dựng (03); Bộ Nội vụ (01); Thanh tra Chính phủ (03)<sup>207</sup>;

<sup>205</sup> Tại Phụ lục số 3 kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ.

<sup>206</sup> Gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 nhiệm vụ: Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm tiền gửi); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ: Đề nghị xây dựng Luật Khu công nghiệp, khu kinh tế); Bộ Y tế (01 nhiệm vụ: Dự án Luật Dân số); Bộ Giáo dục và Đào tạo (03 nhiệm vụ: Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Đề án xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao); Bộ Xây dựng (02 nhiệm vụ: Đề án thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn, xây dựng cơ chế quản lý cấp nước liên vùng; Định hướng phát triển không gian xây dựng ngầm đô thị).

<sup>207</sup> Gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông (02 nhiệm vụ: Đề án xây dựng công thông tin điện tử tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin đối ngoại; Dự án Luật Chính phủ số); Bộ Công Thương (01 nhiệm vụ: Đề án Phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (03 nhiệm vụ: Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (03 nhiệm vụ: Đề án bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp, kéo dài; Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2030); Bộ Tư pháp (01 nhiệm vụ: Chương trình quốc gia về tư pháp người chưa thành niên); Bộ Giáo dục và Đào tạo (03 nhiệm vụ: Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 và 4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2 (2021 - 2025 và lộ trình đến 2030)); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01 nhiệm vụ: Đề án "Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu các dân tộc thiểu số rất ít người, có nguy cơ mai một"); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 nhiệm vụ: Đề án phát triển giống cây lâm nghiệp); Bộ Xây dựng (03 nhiệm vụ: Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng - giai đoạn 2; Dự án Luật Quản lý không gian ngầm; Đề án phát triển công trình xanh đến năm 2030); Bộ Nội vụ (01 nhiệm vụ: Đề án "Sắp xếp



- 77 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương đang triển khai thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (09 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (03); Bộ Tài nguyên và Môi trường (15); Bộ Tư pháp (03); Bộ Công Thương (04); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (06); Bộ Xây dựng (05); Bộ Khoa học và Công nghệ (05); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (07); Bộ Y tế (03); Bộ Ngoại giao (01); Bộ Nội vụ (02); Bộ Tài chính (10); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (04);

*Trong đó 19 nhiệm vụ đã quá hạn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (06 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (10); Bộ Thông tin và Truyền thông (01); Bộ Tài chính (01); Bộ Công Thương (01)*<sup>208</sup>.

- 03 nhiệm vụ chưa hoàn thành do nguyên nhân khác: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (01); Bộ Ngoại giao (01)<sup>209</sup>;

- 01 nhiệm vụ của Bộ Nội vụ có thời gian hoàn thành trong năm 2025 nên chưa báo cáo tại thời điểm này<sup>211</sup>.

#### **4. Khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu**

##### **a) Về công tác chỉ đạo, điều hành**

Công tác chỉ đạo, điều hành của một số bộ, địa phương chưa thực sự được quan tâm đúng mức, thiếu sát sao và chưa quyết liệt; phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương, giữa Trung ương và địa phương tại một số nơi, trong một số việc, một số thời điểm còn chưa kịp thời, chặt chẽ. Việc bám sát, theo dõi, đánh giá tác động chính sách, xử lý vướng mắc phát sinh từ thực tiễn đôi lúc chưa kịp thời, hiệu quả.

---

các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ"); Thanh tra Chính phủ (03 nhiệm vụ: Đề án phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam; Đề án phát huy vai trò của xã hội trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính; Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thanh tra chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính).

<sup>208</sup> Gồm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (06 nhiệm vụ: Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030; Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050); Bộ Tài nguyên và Môi trường (10 nhiệm vụ: Dự án Luật Đất đai (sửa đổi); Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình thương hiệu Biển Việt Nam đến năm 2025; Đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030); Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ: Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây); Bộ Tài chính (01 nhiệm vụ: Đề án Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan); Bộ Công thương (01 nhiệm vụ: Dự án Luật Điện lực (sửa đổi)).

<sup>209</sup> Gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 nhiệm vụ: Dự án Luật Xử lý nợ xấu); Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 nhiệm vụ: Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030); Bộ Ngoại giao (01 nhiệm vụ: Đề án tổng kết 30 năm Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN (1995 - 2025) và phương hướng tham gia hợp tác ASEAN những năm tiếp theo).

<sup>211</sup> Gồm: Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước".

Công tác tham mưu, dự báo đôi khi chưa bắt kịp với tình hình và chuyển biến nhanh chóng của tình hình quốc tế, khu vực, làm hạn chế khả năng tận dụng cơ hội từ những chuyển biến này phục vụ phát triển của đất nước.

b) Về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn hạn chế. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc có nơi chưa nghiêm; có tình trạng cán bộ công chức sợ sai, sợ trách nhiệm, dùn dẩy, né tránh trong xử lý công việc. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp đã có những bước tiến quan trọng, tuy nhiên trong một số thời điểm chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc chưa được ngăn chặn hiệu quả; công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng còn hạn chế. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn lớn; một số công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cơ chế phối hợp xây dựng chính sách, pháp luật, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động phân tích, dự báo, điều hành và việc thực thi thể chế, chính sách giữa các bộ, ngành và địa phương chưa thực sự đảm bảo hiệu lực và hiệu quả. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý đôi khi còn chưa kịp thời, nhất là những vấn đề phát sinh mới; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó.

c) Về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế tuy đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng một số quy định của pháp luật còn bất cập, thiếu thống nhất, còn có sự chồng chéo, mâu thuẫn. Một số nội dung chính sách còn thiếu đồng bộ; văn bản hướng dẫn chưa cụ thể gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện ở địa phương. Việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách trong một số lĩnh vực phát sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực trong và ngoài ngành với nhiều quan điểm khác nhau trong khi các quy định pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách. Các mô hình kinh tế mới còn chưa có hoặc thiếu số liệu đánh giá chi tiết, trong khi việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để phát triển các mô hình kinh tế mới thường yêu cầu phải có đánh giá chi tiết, định lượng, dẫn tới việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn.

Việc theo dõi thi hành pháp luật còn chưa bài bản. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có nơi, có lúc còn nặng về hình thức dẫn tới hiệu quả chưa cao. Số bản án hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải thi hành còn nhiều. Hoạt động của một số tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp, như: công chứng, đấu giá tài sản vẫn còn tình trạng sai phạm, chưa thực hiện đúng, đủ quy định pháp luật trong lĩnh vực này. Việc thực hiện chức năng tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp còn chưa

tương xứng với yêu cầu, trách nhiệm được giao...

d) Về công tác thông tin, tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền trong một số lĩnh vực mặc dù đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được so với nhu cầu của thực tế, sự quan tâm của các cấp và doanh nghiệp.

## 5. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân của các kết quả đạt được

Đạt được các kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương; sự ủng hộ, đồng hành và giám sát của Quốc hội; sự vào cuộc quyết liệt, quyết tâm, phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị; chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thống nhất, bài bản, khoa học, sát thực tiễn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, tin tưởng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất với phân công, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện; sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế; kế thừa những kết quả, kinh nghiệm trong những nhiệm kỳ qua và trong phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển KTXH.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành đã bám sát và kịp thời triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Kết luận hàng tháng của Lãnh đạo chủ chốt. Chủ động, nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, có phản ứng chính sách kịp thời, không dằn trải, có trọng tâm, trọng điểm, linh hoạt, hiệu quả; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh phân công, phân cấp gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

b) Nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động nhanh, mạnh, khó lường, phức tạp, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là đại dịch COVID-19, cuộc xung đột Nga-Ucraina kéo dài, sự thay đổi chính sách của các quốc gia, đặc biệt là chính sách tiền tệ, tăng giá hàng hóa trên thị trường thế giới, chuyển biến của các công nghệ (đặc biệt là trí tuệ nhân tạo), sự lên giá của đồng USD với nhiều đồng tiền... gây khó khăn, tạo áp lực lớn lên khả năng phân tích, dự báo, công tác điều hành trong điều kiện nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, dễ bị ảnh hưởng từ các biến động, dù là nhỏ của thế giới.

- Nguyên nhân chủ quan

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm công vụ của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa tham mưu đầy đủ, kịp thời và hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ và trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực. Một bộ phận cán bộ thực thi còn chưa quyết liệt, kịp thời, nhay bén, bên cạnh đó còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong triển khai công vụ. Trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ.

Bên cạnh khối lượng công việc thường xuyên lớn, thời gian qua tiếp tục

phát sinh nhiều công việc đột xuất, chưa có tiền lệ với yêu cầu cao về chất lượng, tiến độ. Nguồn lực, kinh phí chưa thực sự đáp ứng yêu cầu trong khi khối lượng công việc lớn.

## **6. Bài học kinh nghiệm**

### **a) Bài học về công tác chỉ đạo, điều hành**

Trong quá trình lãnh đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ phải bám sát chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Khẩn trương cụ thể hóa sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành các Chương trình/Kế hoạch hành động cụ thể; phân công trách nhiệm và cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân trong công tác tổ chức triển khai thực hiện.

Cần quyết liệt, linh hoạt, chủ động, kịp thời trong chỉ đạo, điều hành; bám sát và kiên định thực hiện các định hướng đề ra, các chương trình, kế hoạch triển khai xây dựng. Sự nhận thức đúng đắn và lãnh đạo sát sao của cấp ủy Đảng là yếu tố quyết định thành công theo mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân là những điều kiện quan trọng để duy trì sự đồng thuận và hiệu quả thực thi các giải pháp cải cách, điều hành chính sách kinh tế và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

### **b) Bài học về năng lực quản lý**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực và phẩm chất; khơi dậy và duy trì tính chủ động, năng động, sáng tạo trong thực thi công vụ. Đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí) tương xứng với việc thực hiện nhiệm vụ; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình thực hiện; kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn, kịp thời sơ kết, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai.

Chú trọng công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tình hình và tham mưu chính sách. Xây dựng và thực thi nhiệm vụ quyết liệt, đúng đắn, bài bản, có trọng tâm, trọng điểm. Coi việc truyền thông chính sách là một nhiệm vụ, chức năng quan trọng của cơ quan hành chính nhà nước các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật phải có lộ trình cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, thường xuyên theo dõi, đôn đốc và có cơ sở để kiểm tra, giám sát việc thi hành. Đồng thời, cần phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện.

## Phần thứ hai

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

#### I. DỰ BÁO BỐI CẢNH TRONG THỜI GIAN TỚI

##### 1. Bối cảnh thế giới

*Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục biến động phức tạp, gây nhiều khó khăn, thách thức.* Cục diện thế giới "đa cực, đa trung tâm" ngày càng rõ nét. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng phức tạp, gay gắt; sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều quốc gia, tập hợp lực lượng ngày càng linh hoạt, phức tạp; xu hướng phân mảnh địa chính trị, địa kinh tế tiếp tục diễn ra. Một số điểm nóng, bao gồm xung đột quân sự Nga - Ucraina có khả năng kéo dài, tạo ra nhiều hệ lụy đối với việc bảo đảm an ninh và phục hồi kinh tế của khu vực và thế giới. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động hàng đầu trên thế giới, giữ vị trí chiến lược quan trọng, nhưng đồng thời là khu vực trọng điểm của cạnh tranh giữa các nước lớn. Tình hình Biển Đông và một số điểm nóng trong khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp.

Hậu quả của đại dịch COVID-19 khó có thể khắc phục trong thời gian ngắn. Kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, nhiều trắc trở và rủi ro. Nhiều tổ chức quốc tế đã điều chỉnh, hạ dự báo đối với triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024 và các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc<sup>212</sup>... Ngân hàng Thế giới đã cảnh báo kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào “một thập kỷ mất mát” trong giai đoạn 2022-2030 với mức tăng trưởng bình quân chỉ đạt 2,2%/năm<sup>213</sup>. Tuy nhiên, lạm phát toàn cầu dù còn cao nhưng được dự báo sẽ giảm dần<sup>214</sup>; chính sách tiền tệ có thể sẽ bớt thắt chặt, nhưng diễn ra chậm<sup>215</sup>. Hệ thống tài chính, ngân hàng thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ.

Tăng trưởng thương mại và đầu tư toàn cầu sẽ có nhiều bất định hơn trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường, bên cạnh áp lực từ lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao, tiềm ẩn rủi ro về nguồn cung, nhất là các mặt hàng chiến lược như năng lượng, lương thực, chất bán dẫn<sup>216</sup>. Dòng vốn FDI toàn cầu bị thu hẹp, áp lực cạnh tranh tăng cao, ngày càng tập trung giữa các quốc gia có liên kết địa chính trị, đặc biệt là trong các lĩnh vực chiến lược. Xu hướng hồi hương dịch chuyển sản xuất về gần và sang các nước đồng minh thân

<sup>212</sup> Theo Báo cáo của Triển vọng Kinh tế toàn cầu (tháng 6/2023), WB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 còn 2,4%, từ mức dự báo 2,7% vào tháng 1/2023; giảm một nửa dự báo tăng trưởng năm 2024 của kinh tế Mỹ xuống còn 0,8%. Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng năm 2023 của Trung Quốc từ 6% xuống còn 5,4%; WB (6/2023) cắt giảm 0,4 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng 2024 của Trung Quốc xuống còn 4,6%. Dự báo thương mại toàn cầu chỉ tăng 1,7% năm 2023 (năm 2022 là 5,7%), năm 2024 chỉ phục hồi nhẹ.

<sup>213</sup> Tốc độ tăng GDP trung bình 2,2% mỗi năm giai đoạn 2022-2030, thấp hơn so với mức tăng 2,6%/năm giai đoạn 2011-2021 và 3,5% trong giai đoạn 2000-2010.

<sup>214</sup> Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF, tháng 7/2023) dự báo lạm phát trên toàn cầu trong năm 2023 sẽ ở mức 6,8% và sẽ giảm xuống còn 5,2% trong năm 2024. WB dự báo lạm phát toàn cầu có thể duy trì ở mức 5,5% vào năm 2023 trước khi giảm xuống 3,7% vào năm 2024, tuy nhiên vẫn cao hơn mức trung bình 2,3%/năm trong giai đoạn 2015-2019.

<sup>215</sup> Tháng 8/2023, tổ chức Goldman Sachs/Mỹ dự báo FED sẽ bắt đầu giảm lãi từ cuối tháng 6 năm tới, với tốc độ vừa phải theo từng quý.

<sup>216</sup> Dự báo thương mại toàn cầu chỉ tăng 1,7% năm 2023 (năm 2022 là 2,7%), năm 2024 chỉ phục hồi nhẹ.

cận có dấu hiệu gia tăng sau đại dịch COVID-19 và xung đột tại Ucraina. Việc triển khai thực hiện Cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu và các nhóm chính sách liên quan ở nhiều nước trong giai đoạn 2024-2025 cũng có thể ảnh hưởng đến dịch chuyển FDI. Tuy nhiên, đà phục hồi ở các nền kinh tế châu Á, gắn với các FTA, có thể tạo thêm động lực để giữ chân nhà đầu tư nước ngoài và thu hút thêm nhà đầu tư mới.

Xu thế toàn cầu hóa, liên kết kinh tế vẫn sẽ tiếp tục diễn ra cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hệ sinh thái cho chuyển đổi số dự báo phát triển sâu sắc hơn. Công nghệ số hóa với nguồn dữ liệu lớn hỗ trợ các nền kinh tế cải thiện năng lực dự báo và ứng phó trước khủng hoảng, tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc trong tương lai.

Các nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nỗ lực cải cách, đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có việc áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường, xã hội, lao động...; hiện thực hóa các cam kết tại COP26. Các tiêu chuẩn về phát triển bền vững (đặc biệt là về lao động, môi trường...) sẽ được lồng ghép nhiều hơn vào các sáng kiến, thỏa ước hợp tác quốc tế (như Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, các FTA thế hệ mới...). Các nước cũng sẽ gia tăng hợp tác nhằm thúc đẩy tương tác giữa chuyển đổi số và chuyển đổi xanh (chuyển đổi kép).

Các vấn đề an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh mạng, thời tiết cực đoan, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn... tiếp tục diễn biến khó lường, tác động mạnh đến đời sống người dân, các hoạt động kinh tế...

## **2. Bối cảnh trong nước**

Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế không ngừng được nâng lên; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội được củng cố; tính tự chủ được cải thiện; uy tín, vị thế đất nước ngày càng được củng cố trên trường quốc tế. Hệ thống thể chế, pháp luật ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Nhiều dự án quan trọng, trọng điểm được hoàn thành và đưa vào vận hành, có tác động lan tỏa lớn. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy các mô hình mới như kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được nâng lên, thích nghi tốt hơn với những thay đổi khoa học và công nghệ. Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng gắn với triển khai một số hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng<sup>217</sup>. Khu vực tư nhân trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng và phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

<sup>217</sup> Như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)...



Tuy nhiên, nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh tác động từ bên ngoài, khó khăn, yếu kém nội tại của nền kinh tế không thể sớm khắc phục trong “một sớm, một chiều”. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức lớn; độ mở của nền kinh tế lớn làm các tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đến kinh tế trong nước nhanh và mạnh hơn. Diễn biến bất lợi của thế giới, khu vực sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút đầu tư... của nước ta, tạo sức ép rất lớn trong điều hành phát triển KTXH trong các năm tiếp theo. Trung Quốc đẩy mạnh tăng trưởng, vừa là cơ hội cho xuất khẩu, cũng vừa là thách thức, gia tăng áp lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư, sản xuất, thị trường trong nước... Hàng loạt đơn hàng sản xuất bị cắt giảm dẫn tới tình trạng ngừng sản xuất và thu hẹp quy mô trong hoạt động công nghiệp chế biến chế tạo. Hoạt động xuất nhập khẩu có thể vẫn đối mặt với nhiều thách thức, do suy giảm nhu cầu ở các thị trường đối tác, gia tăng các tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất nhập khẩu, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, cạnh tranh xuất khẩu từ các nước châu Á,... Du lịch có nhiều điều kiện để phục hồi, nhưng còn phụ thuộc vào nỗ lực đơn giản hóa yêu cầu và thủ tục cấp thị thực, lành mạnh hóa thị trường hàng không (trong nước và quốc tế) và việc cung ứng các sản phẩm mới (gắn với du lịch số, du lịch sinh thái và kinh tế ban đêm). Khó khăn, yếu kém nội tại của nền kinh tế chậm được khắc phục; năng lực sản xuất, tính tự chủ của nền kinh tế chưa cao; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghệ... còn thấp so với yêu cầu để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Các vấn đề xã hội như tốc độ già hóa dân số nhanh, chênh lệch giàu - nghèo, trình độ phát triển... gây áp lực lớn đến phát triển KTXH. Lợi thế từ cơ cấu “dân số vàng” đang giảm dần nếu không có những giải pháp nhằm cải thiện năng suất lao động. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn ngày càng nhanh với cường độ mạnh, khó lường. Những thách thức về khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước, tài nguyên, đất đai và xử lý ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội. Dù đã đưa ra cam kết mạnh mẽ tại COP26 hướng tới phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Việt Nam vẫn phải xử lý một loạt các vấn đề chính sách liên quan đến xử lý quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu năng lượng hướng tới phát triển bền vững hơn, huy động nguồn lực tài chính để thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện tăng trưởng xanh, thực hiện hiệu quả cam kết liên quan đến thương mại và phát triển bền vững trong các FTA thế hệ mới...

## **II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG TRONG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Quán triệt và triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Phát triển kinh tế gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

2. Đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để vừa chống chịu, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh tình hình mới, khắc phục khó khăn, thách thức, vừa tranh thủ thời cơ, cơ hội mới, tìm động lực mới để tăng tốc trong phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...

3. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, coi nội lực là yếu tố cơ bản, chiến lược lâu dài, quyết định, ngoại lực là quan trọng, cần thiết, đột phá; “biến nguy thành cơ”, coi khó khăn, thách thức là động lực phấn đấu để vươn lên, khẳng định bản lĩnh; huy động sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; bám sát thực tiễn, đánh giá, dự báo đúng tình hình, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm.

4. Đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới; không ngừng sáng tạo, có cách tiếp cận mới, tạo đột phá trong bối cảnh mới. Chú trọng việc tổng kết, phổ biến, nhân rộng, phát huy tối đa các bài học kinh nghiệm quý, mô hình hay, cách làm hiệu quả. Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc quy định không còn phù hợp với thực tiễn thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

5. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn về thể chế theo hướng cấp nào ban hành cấp đó phải tháo gỡ; báo cáo cấp trên trực tiếp đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; tổng kết, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chính sách bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh hợp tác công tư.

6. Xây dựng Chính phủ và chính quyền các cấp đoàn kết, liên chính, kỷ luật, kỷ cương, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; năng động, đổi mới sáng tạo; vì nhân dân phục vụ; thấm nhuần phương châm đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết; “*dân là gốc*” và xuất phát từ quyền, lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Càng khó khăn, phức tạp thì càng phải đoàn kết thống nhất; giữ đúng nguyên tắc, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ tập thể trên tinh thần khiêm tốn, cầu thị, lắng nghe. Bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cả nhận thức và hành động.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và có hiệu quả các Chương trình, Đề án đã được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; các nhiệm vụ được giao tại Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xây dựng và thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Chính phủ, Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; giữa trung ương và địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và sự vào cuộc quyết liệt hơn, sát sao hơn của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương; quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ, công chức; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; coi trọng sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm gắn với nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, cảnh báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả với những vấn đề phát sinh.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương; khuyến khích các bộ, ngành, địa phương học hỏi kinh nghiệm của bộ, ngành, địa phương khác; tăng cường chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, từng bước nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đề cao trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành đối với phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Tập trung công tác xây dựng văn bản pháp luật, hoàn thiện thể chế để tạo hành lang pháp lý an toàn, vững chắc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi. Chủ động, thường xuyên rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh.

Tăng cường kỷ luật trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phân công rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc nghiên cứu, xây dựng, đề xuất chính sách. Chú trọng kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi “*tham nhũng, trục lợi chính sách*” thông qua hoạt động xây dựng pháp luật.

Tiếp tục quán triệt và thể chế hóa kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Kế hoạch số 11/KH-TW ngày 28/11/2022 về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Tăng cường công tác rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đánh giá tác động của luật, cơ chế chính sách đã ban hành; phát hiện những vướng mắc, bất cập, chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác chỉ đạo, điều hành. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; chú trọng rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Tích cực xây dựng và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành đã được phê duyệt, nhất là Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025; đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin

phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Công Dịch vụ công quốc gia và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao, tập trung vào những ngành, lĩnh vực, địa phương dễ phát sinh nhiều vi phạm, tham nhũng, tiêu cực và dư luận xã hội quan tâm. Theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ tại Chương trình hành động của Chính phủ.

5. Chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp và cơ quan thực thi pháp luật.

Trên đây là nội dung Báo cáo về “Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ. / *Ban*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ TH *5A*

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**



Phụ lục  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI PHỤ LỤC SỐ 3  
KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 99/NQ-CP NGÀY 30/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ  
(Kèm theo Báo cáo số 8072/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
I	Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sức khỏe, tính mạng của Nhân dân là trên hết, trước hết và bảo đảm an sinh xã hội										
1	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế	2021		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022
2	Xây dựng các kịch bản điều hành phát triển kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp, kéo dài	2021-2025		x						Bộ KHĐT	
3	Đề án nghiên cứu phát triển vắc xin phòng Covid-19	2021		x						Bộ YT	Tờ trình số 949/TTr-BYT ngày 29/6/2021
4	Đề án chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp, kéo dài	2021-2025		x						Bộ YT	Đưa vào NQ số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và NQ số

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											11/NQ-CP ngày 30/01/2022
5	Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia "Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030"	2021		x						Bộ KHCN	Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 01/10/ 2021
6	Đề án bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp, kéo dài	2021-2025					x			Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị rút khỏi Chương trình.
II	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa										
7	Đề nghị xây dựng Luật Đấu thầu (sửa đổi)	2021		x						Bộ KHĐT	- Báo cáo số 184/BC-CP ngày 04/5/2023 trình QH; - QH đã thông qua ngày 23/6/2023
8	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	2021		x						Bộ KHĐT	QH đã thông qua Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021
9	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012	2022		x						Bộ KHĐT	- Báo cáo số 183/BC-CP ngày 04/5/2023 trình QH;



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											- Quốc hội đã thông qua ngày 20/6/2023
10	Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ KHĐT	QH thông qua NQ số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023
11	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2023			x					Bộ KHĐT	Bộ KHĐT đã có văn bản gửi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến dự thảo quy hoạch các vùng
12	Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2023			x					Bộ KHĐT	Bộ KHĐT đã có văn bản gửi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến dự thảo quy hoạch các vùng
13	Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2023			x					Bộ KHĐT	Bộ KHĐT đã có văn bản gửi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến dự thảo quy hoạch các vùng

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
14	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2023			x					Bộ KHĐT	Bộ KHĐT đã có văn bản gửi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến dự thảo quy hoạch các vùng
15	Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2023			x					Bộ KHĐT	Bộ KHĐT đã có văn bản gửi các cơ quan, bộ, ngành, địa phương liên quan xin ý kiến dự thảo quy hoạch các vùng
16	Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ KHĐT	QĐ số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022
17	Dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
18	Dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
19	Dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
20	Dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)	2021-2025		x						Bộ TC	Quốc Hội đã ban hành Luật Kinh doanh bảo hiểm

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022
21	Dự án Luật Kế toán (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
22	Dự án Luật Kiểm toán độc lập (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
23	Dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	
24	Dự án Luật Thuế tài sản	2021-2025			x					Bộ TC	
25	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giá	2021-2025		x						Bộ TC	Quốc Hội đã ban hành Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023
26	Đề án xây dựng Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ TC	
27	Dự án Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sửa đổi)	2021-2025			x					Bộ TC	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
28	Dự án Luật Chính phủ số	2022-2024					x			Bộ TTTT	Đề xuất đưa vào CT xây dựng Luật của Quốc hội ở nhiệm kỳ tiếp theo (BC số 71/BC-CP ngày 16/3/2023)
29	Dự án Luật Giao dịch điện tử và Kinh tế số (sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử 2005)	2022		x						Bộ TTTT	QH đã thông qua ngày 22/6/2023
30	Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số	2022-2025			x					Bộ TTTT	
31	Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)	2024-2025			x					Bộ TTTT	Chuẩn bị trình UBTVQH tại kỳ họp chuyên đề tháng 8/2023
32	Dự án Luật Tần số vô tuyến điện (sửa đổi)	2024-2025		x						Bộ TTTT	QH thông qua ngày 09/11/2022
33	Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây	2021-2022			x					Bộ TTTT	
34	Đề án phát triển kinh tế số Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	2021-2022		x						Bộ TTTT	QĐ số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
35	Dự án Luật Đất đai (sửa đổi)	2022			x					Bộ TNMT	
36	Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2022			x					Bộ TNMT	
37	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022		x						Bộ TNMT	QH đã ban hành Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021
38	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng	2023-2024			x				Tháng 10/2024	Bộ TP	
39	Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	2022-2023		x						Bộ CT	
40	Dự án Luật Dầu khí (sửa đổi)	2022								Bộ CT	Bộ Công thương chưa báo cáo
41	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu	2021-2025			x					Bộ CT	
42	Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA hàng năm của các địa phương	2021-2022		x						Bộ CT	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
43	Đề án về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử giai đoạn 2021 - 2025	2021-2022		x						Bộ CT	
44	Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021 - 2030	2021-2022		x						Bộ CT	
45	Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ CT	
46	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến 2045	2021-2022		x						Bộ CT	
47	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ CT	
III	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số										
48	Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						NHNNVN	QĐ số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021
49	Dự án Luật Xử lý nợ xấu	2022						x		NHNNVN	Đề xuất các nội dung luật hóa về xử lý nợ xấu vào



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											Luật các TCTD (sửa đổi); đang hoàn thiện để báo cáo QH tại kỳ họp thứ 6 QH khóa XV.
50	Dự án Luật Phòng chống rửa tiền (sửa đổi)	2022		x						NHNNVN	Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 ngày 15/11/2022.
51	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm tiền gửi	2023				x				NHNNVN	Đề nghị CP cho phép kéo dài thời gian nghiên cứu sự cần thiết sửa đổi sang năm 2023 và lập hồ sơ đề nghị XD Luật vào Chương trình XD Luật năm 2024 (nếu cần thiết) tại BC số 324/BC-NHNN ngày 30/9/2022.
52	Đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						NHNNVN	QĐ số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022
53	Báo cáo về định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và	2021		x						Bộ TC	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	phạm vi áp dụng của Quy chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam										
54	Đề án tiếp tục cơ cấu lại và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025	2022-2023			x					Bộ TC	
55	Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 – 2025	2021		x						Bộ TC	
56	Đề án Xây dựng chiến lược tài chính giai đoạn 2021 - 2030 và các chiến lược thành phần (thuế, hải quan, kho bạc,...)	2021		x						Bộ TC	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030
57	Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030	2021-2022			x				Tháng 9/2023	Bộ NNPTNT	
58	Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
59	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021			x					Bộ NNPTNT	
60	Đề án phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	2021-2022			x				Quý IV/2023	Bộ NNPTNT	
61	Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	2021-2022			x					Bộ NNPTNT	
62	Đề án cơ cấu lại ngành lúa gạo đến năm 2030	2021-2022		x						Bộ NNPTNT	Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT ngày 26/1/2021
63	Đề án phát triển nuôi biển đến năm 2030	2021-2022		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021
64	Đề án phát triển công nghiệp chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi	2021		x						Bộ NNPTNT	Tờ trình số 4361/TTr-BNN-CN ngày 08/7/2022
65	Đề án phát triển giống cây lâm nghiệp	2021					x			Bộ NNPTNT	Công văn số 7131/VPCP-NN ngày 04/10/2021

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
66	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022
67	Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp	2022			x				Quý IV/2023	Bộ NNPTNT	
68	Đề án phát triển Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ NNPTNT	Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023
69	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	2021-2022		x						Bộ TP	Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023
70	Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam	2023		x						Bộ TP	Tờ trình số 32/TTr-BTP ngày 19/6/2023
71	Đề án về thu hồi tài sản không qua thủ tục kết tội	2022-2023			x				Quý III/2023	Bộ TP	
72	Dự án Luật Công nghiệp hỗ trợ	2021-2025								Bộ CT	Bộ Công thương chưa báo cáo
73	Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ CT	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
74	Chiến lược phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	2021		x						Bộ CT	
75	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	2021-2022		x						Bộ CT	
76	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hoá chất Việt Nam giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2040	2021		x						Bộ CT	
77	Đề án Phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030	2021					x			Bộ CT	
78	Dự án Luật Phát triển công nghiệp	2023-2025			x					Bộ CT	
79	Dự án Luật thay thế Luật Hóa chất	2023-2025			x					Bộ CT	
80	Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
81	Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ KHĐT	QH đã thông qua NQ số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021
82	Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025	2023		x						Bộ KHĐT	
83	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030	2025			x					Bộ KHĐT	
84	Xây dựng khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	Quý IV/2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022
85	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ KHĐT	- Tờ trình số 5289/TTr-BKHĐT ngày 11/8/2021. - Ngày 17/10/2021, VPCP có văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó TTgCP Lê Minh Khái giao các Bộ, ngành, địa



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											phương chủ động ban hành CTHĐ riêng.
86	Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2025			x					Bộ KHĐT	
87	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022		x						Bộ XD	Tờ trình số 29/TTr-BXD ngày 30/5/2023
88	Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng - giai đoạn 2	2021-2022					x			Bộ XD	Bộ Xây dựng đề nghị rút khỏi Chương trình
IV	Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực										
89	Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 2109/QĐ-TTg ngày 15/12/2021
90	Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	2023		x						Bộ KHĐT	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
91	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	2025			x					Bộ KHĐT	
92	Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA	2021		x						Bộ KHĐT	Đã được phê duyệt tại văn bản số 3629/VPCP-QHQT ngày 10/6/2022
93	Báo cáo nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng "vốn mòng", đầu tư "chui", đầu tư "núp bóng"	2021		x						Bộ KHĐT	Văn bản số 872B/BKHĐT-ĐTNN ngày 27/11/2021
94	Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	2022		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
95	Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 21/4/2023
96	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 -2025	2021					x			Bộ KHĐT	Không thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 22/3/2022
97	Chương trình tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ giai đoạn 2021 – 2025	2021					x			Bộ KHĐT	Không thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 22/3/2022
98	Đề án Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý phân bổ ngân sách nhà nước để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021			x					Bộ TC	
V	Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại										
99	Đề án về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 8502/TTr-BKHĐT ngày 03/12/2021

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW										
100	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Luật Nhà ở	2022-2024		x						Bộ XD	Đã trình QH tại kỳ họp thứ 5, QH khóa XV
101	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Luật Kinh doanh bất động sản	2022-2024		x						Bộ XD	Đã trình QH tại kỳ họp thứ 5, QH khóa XV
102	Dự án Luật Cấp, thoát nước	2024-2025			x					Bộ XD	Đang lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật
103	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (hoặc Luật Xây dựng)	2025-2026			x					Bộ XD	
104	Dự án Luật Quản lý không gian ngầm	2024-2026						x		Bộ XD	Theo chỉ đạo tại văn bản số 7233/VPCP-PL ngày 27/10/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo nghiên cứu, rà soát về quản lý không gian ngầm, đưa nội dung quy hoạch không gian ngầm vào thành một

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											nội dung của Luật Quy hoạch và đô thị nông thôn và nội dung về quản lý không gian ngầm vào thành một nội dung tại Luật Quản lý phát triển đô thị
105	Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040	2021		x						Bộ XD	QĐ số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021
106	Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030	2021-2022		x						Bộ XD	QĐ số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021
107	Đề án phát triển công trình xanh đến năm 2030	2021-2022					x			Bộ XD	Văn bản số 4681/VPCP-CN ngày 26/7/2022 của Văn phòng Chính phủ
108	Đề án thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn, xây dựng cơ chế quản lý cấp nước liên vùng	2022-2023				x				Bộ XD	Bộ Xây dựng đang báo cáo Thủ tướng xin lùi thời gian trình

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
109	Định hướng phát triển không gian xây dựng ngầm đô thị	2022-2023				x				Bộ XD	Bộ Xây dựng đang báo cáo Thủ tướng xin lùi thời gian trình
110	Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ GTVT	Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021
111	Quy hoạch mạng lưới đường sắt Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ GTVT	Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021
112	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ GTVT	Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021
113	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	2021		x						Bộ GTVT	Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021
114	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	2021		x						Bộ GTVT	Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023
115	Đề án Định hướng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không	Tháng 11/2021		x						Bộ GTVT	Báo cáo số 519/BC-BGTVT ngày 08/9/2023



[illegible]

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
123	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	Tháng 10/2021		x						Bộ KHCN	Luật số 07/2022/QH15
124	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013	2023	2022-2025 <sup>218</sup>		x					Bộ KHCN	
125	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006	2024	2022-2025 <sup>219</sup>		x					Bộ KHCN	
126	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007	2024	2022-2025 <sup>220</sup>		x					Bộ KHCN	
127	Đề án "Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030"	2021		x						Bộ KHCN	Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022
128	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021	2023 <sup>221</sup>		x					Bộ KHCN	

<sup>218</sup> Nghị quyết số 54/NQ-CP 12/4/2022.<sup>219</sup> Nghị quyết số 54/NQ-CP 12/4/2022.<sup>220</sup> Nghị quyết số 54/NQ-CP 12/4/2022.<sup>221</sup> Văn bản số 6679/VPCP-KGVX 06/10/2022

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
129	Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050	2022		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 1661/TTr-BKHCN ngày 02/6/2023
130	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam	2025		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 884/TTr-BKHCN ngày 03/3/2023
131	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008	2024			x					Bộ KHCN	
132	Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022
133	Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025	2021					x			Bộ KHĐT	Ngày 29/5/2023, VPCP có VB số 3840/VPCP-KSTT thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó TTgCP Trần Hồng Hà về việc không ban hành Chương trình
134	Đề án thu hút trọng dụng nhân tài	2021-2025		x						Bộ NV	Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 phê

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											duyet Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
135	Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	2021-2022		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022
136	Xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2022		x						Bộ GDĐT	Tờ trình số 597/TTr-BGDĐT ngày 10/4/2023 về dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045
137	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	2022				x				Bộ GDĐT	Nghị quyết số 144/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2023
138	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển	2022				x				Bộ GDĐT	Bộ GDĐT đang triển khai các bước lập quy hoạch theo quy định. Đồng thời, báo cáo Thủ tướng Chính

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050										phủ xin lùi thời hạn trình đến tháng 12/2023.
139	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 và 4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2022					x			Bộ GDĐT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho dừng nhiệm vụ, do chưa được quy định trong Luật Giáo dục 2019
140	Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	2022					x			Bộ GDĐT	Đang xây dựng Công văn đề xuất đưa nhiệm vụ xây dựng Đề án ra khỏi Chương trình công tác năm 2023
141	Đề án xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học	2022		x						Bộ GDĐT	Tờ trình số 1435/TTr-BGDĐT ngày 25/8/2023
142	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2030	2023		x						Bộ GDĐT	Quyết định số 131/QĐ-TTg của TTg
143	Đề án hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 -2030	2022		x						Bộ GDĐT	Đã hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
144	Đề án Tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên giai đoạn 2021 - 2030	2022		x						Bộ GDĐT	Quyết định 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”.
145	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2 (2021 - 2025 và lộ trình đến 2030)	2022					x			Bộ GDĐT	Đề nghị báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dừng thực hiện nhiệm vụ này
146	Đề án Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2030	2022		x						Bộ GDĐT	Quyết định 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025
147	Đề án xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao	2023				x				Bộ GDĐT	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời hạn trình đến tháng 10/2023
148	Đề án chuyển đổi số và dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp	Tháng 11/2021		x						Bộ LĐTBXH	Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Phê

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											duyet Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
149	Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	Tháng 11/2021					x			Bộ LĐTĐBXH	Đưa ra khỏi nhiệm vụ vì không thuộc thẩm quyền ban hành của TTg. Bộ LĐTĐBXH đã có CV số 4810/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 24/11/2022 báo cáo Thủ tướng và Ngày 06/12/2022, VPCP có CV số 8174/VPCP-KGVX thông báo ký kiến chỉ đạo của Phó TTg Vũ Đức Đam đồng ý với kiến nghị của Bộ LĐTĐBXH.
150	Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam	2021			x					Bộ LĐTĐBXH	



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
151	Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ LĐT BXH	Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16/02/2022 về Chương trình Quốc gia ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025
152	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 -2030	2021		x						Bộ LĐT BXH	Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021
153	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12/2021		x						Bộ LĐT BXH	QĐ số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của TTgCP
154	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	2021			x					Bộ LĐT BXH	
155	Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động - việc làm	2023			x					Bộ LĐT BXH	
156	Đề án phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho lực lượng lao động	2022			x					Bộ LĐT BXH	
157	Đề án đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	2022		x						Bộ LĐT BXH	Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/08/2022 của TTgCP phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”
158	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	2022			x					Bộ LĐTBXH	
VII	Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị										
159	Đề nghị xây dựng Luật Khu công nghiệp, khu kinh tế	2021-2022	CTCT của CP <sup>222</sup>			x				Bộ KHĐT	
160	Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022
161	Nghị quyết về thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù cho thành phố Hải Phòng	2021-2025		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021

<sup>222</sup> Theo Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề án được gia hạn thời gian trình sang tháng 12/2023.

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
162	Nghiên cứu xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp quản lý cho thành phố Cần Thơ	2021-2022		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022
163	Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	Quý IV/2021		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021
164	Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hoá	Quý IV/2021		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021
165	Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An	2022		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021
166	Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột	2022-2023		x						Bộ KHĐT	Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022
167	Đề án cơ chế, chính sách liên kết vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa	2022		x						Bộ KHĐT	Văn bản số 2038/BKHĐT-KTĐPLT ngày 30/3/2022

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
168	Xây dựng cơ chế đặc thù phát triển trung tâm tài chính tại Việt Nam	2022-2024			x					Bộ KHĐT	Đã trình TTgCP dự thảo Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và triển khai xây dựng Đề án tại Tờ trình số 691/TTr-BKHĐT ngày 03/02/2023; các vb số: 3888/BKHĐT-ĐTNN và 3919/BKHĐT-ĐTNN ngày 24/5/2023
169	Dự án Luật Quản lý, phát triển đô thị (Luật Đô thị)	2023-2024			x					Bộ XD	Dự kiến trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị vào tháng 10/2023
170	Dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	2023-2024			x					Bộ XD	Dự kiến trình QH cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, thông qua tại kỳ họp thứ 8
171	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050	2022-2023			x				Tháng 10/2023	Bộ XD	Đã trình Hội đồng thẩm định quốc gia vào tháng 7/2023; dự kiến hoàn thiện tiếp thu giải trình ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định và trình Thủ

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 10/2023
172	Tổng kết tình hình thực hiện, rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị	2021-2022		x						Bộ XD	NQ số 26/2022/NQ-UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của UBTVQH
173	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Quý IV/2022		x						Bộ NNPTNT	Tờ trình số 4000/TTr-BNN-KN ngày 20/6/2023
VIII	Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội										
174	Dự án Luật Điện ảnh (sửa đổi)	2021-2022		x						Bộ VHTTDL	Số 05/2022/QH15 ngày 15/6/2022
175	Dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)	2022		x						Bộ VHTTDL	Số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022
176	Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)	2023			x					Bộ VHTTDL	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
177	Dự án Luật Quảng cáo (sửa đổi)	2024			x					Bộ VHTTDL	
178	Dự án Luật Nghệ thuật biểu diễn	2024			x					Bộ VHTTDL	
179	Chiến lược phát triển Văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ VHTTDL	Số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021
180	Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2030	2021		x						Bộ VHTTDL	Số 5110/VPCP-KGVX ngày 20/7/2023
181	Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022	2021		x						Bộ VHTTDL	Số 1939/VPCP-KGVX ngày 30/3/2022
182	Chương trình Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ VHTTDL	Số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021
183	Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 -2030	2021		x						Bộ VHTTDL	Số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021
184	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021-2022		x						Bộ VHTTDL	Số 106/TTr-BVHTTDL ngày 24/5/2023

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
185	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021-2022		x						Bộ VHTTDL	Số 105/TTr-BVHTTDL ngày 24/5/2023
186	Đề án phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo nằm trong hệ thống thành phố sáng tạo UNESCO	2022		x						Bộ VHTTDL	Số 1170/VPCP-KGVX ngày 24/2/2023
187	Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030”	2022			x					Bộ VHTTDL	
188	Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu các dân tộc thiểu số rất ít người, có nguy cơ mai một”	2023					x			Bộ VHTTDL	Xin dừng triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án
189	Đề án tổ chức thông tin, phổ biến về chính sách quan trọng trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo đồng thuận xã hội	Tháng 12/2021		x						Bộ TP	Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022
190	Đề án đánh giá hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Quý I/2022		x						Bộ TP	Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022
191	Chương trình quốc gia về tư pháp người chưa thành niên	2022					x			Bộ TP	Chuyển Tòa án nhân dân tối cao thực hiện



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
192	Đề án tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân	2022-2025		x						Bộ TP	Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022
193	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Luật sư	2024-2025			x					Bộ TP	
194	Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021		x						UBDT	NQ số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022
195	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2022		x						UBDT	QĐ số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022
196	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						UBDT	QĐ số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021
197	Đề án xác định thành phần, tên gọi của một số dân tộc và xây dựng danh mục các dân tộc Việt Nam	2021		x						UBDT	Tờ trình số 05/BCSD-UBDT ngày 06/09/2021
198	Đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)	Tháng 10/2021			x					Bộ LĐTBXH	
199	Đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi)	Tháng 02/2022			x					Bộ LĐTBXH	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
200	Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2030	2022						x			Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị rút khỏi Chương trình
201	Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 10/2021		x							Bộ LĐTBXH	Quyết định số 90/QĐ-TTg của TTg
202	Chương trình quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9/2021		x							Bộ LĐTBXH	Quyết định số 2156/QĐ-TTg của TTg
203	Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030	2021		x							Bộ LĐTBXH	Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của TTg
204	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025	2021		x							Bộ LĐTBXH	Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của TTg
205	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12/2021		x							Bộ LĐTBXH	Tờ trình số 30/TTr-LĐTBXH ngày 21/4/2022, Tờ trình số 11/TTr-LĐTBXH ngày 14/3/2023 về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											duyet quy hoạch và Công văn số 2754/TTr-LĐTBXH ngày 19/7/2023 về việc hoàn thiện hồ sơ quy hoạch.
206	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12/2021		x						Bộ LĐTBXH	Tờ trình số 68/TTr-LĐTBXH ngày 06/10/2022 về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch và Công văn số 2250/LĐTBXH - NCC ngày 16/6/2023 về việc hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
207	Dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)	Tháng 10/2021		x						Bộ YT	Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023
208	Dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi)	Tháng 5/2022			x					Bộ YT	Dự kiến trình QH xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 6 QH khóa XV
209	Dự án Luật Dân số	2022				x				Bộ YT	Dự kiến trình QH tại kỳ họp thứ 8 QH khóa XV (Tờ trình số 47/TTr-CP ngày 28/02/2023)
210	Dự án Luật Dược (sửa đổi)	2023			x				Tháng 10/2023	Bộ YT	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định
211	Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2040	Quý IV/2021		x						Bộ YT	QĐ số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022
212	Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Quý IV/2021		x						Bộ YT	- Sửa thành Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											- Tờ trình 1587/TTTr-BYT ngày 28/11/2022
213	Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến 2030 và tầm nhìn 2045	2021		x						Bộ YT	Đang hoàn thiện theo chỉ đạo của Phó TTgCP tại TB số 112/TB-VPCP ngày 04/4/2023
214	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021			x					Bộ YT	Đang xin ý kiến thẩm định
215	Đề án Nghiên cứu, sản xuất vắc xin thế hệ mới, tích hợp nhiều loại trong một	Quý IV/2021		x						Bộ YT	QĐ số 1657/QĐ-TTg ngày 01/10/2021
216	Đề án bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quý III/2021		x						Bộ YT	QĐ số 1286/QĐ-TTg ngày 25/10/2022
217	Chương trình can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030	Quý IV/2021		x						Bộ YT	QĐ số 1493/QĐ-TTg ngày 10/9/2021
218	Đề án phát triển dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV/2021		x						Bộ YT	QĐ số 376/QĐ-TTg ngày 17/3/2021

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
219	Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	2021		x						Bộ TTTT	QĐ số 348/QĐ-TTg ngày 04/4/2023
220	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ TTTT	Tờ trình số 25/TTr-TTTT ngày 12/4/2023
221	Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021-2022		x						BHXHVN	- VB số 4056/BHXXH-VP ngày 30/12/2022; - Tờ trình số 1755/TTr-BHXXH ngày 09/6/2023.
IX	Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu										
222	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030	2021		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021
223	Tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước và đề nghị xây dựng Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	2023			x					Bộ TNMT	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
224	Sơ kết, tổng kết thi hành và đề nghị xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Khoáng sản	2023			x					Bộ TNMT	
225	Dự án tổng kết việc thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	2023			x					Bộ TNMT	
226	Đề án phát triển thị trường các bon tại Việt Nam	2021		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 87/TTr-BTNMT ngày 26/11/2021
227	Đề án xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về biển và hải đảo	2023			x					Bộ TNMT	
228	Chương trình thương hiệu Biển Việt Nam đến năm 2025	2022			x					Bộ TNMT	
229	Chương trình hỗ trợ thực hiện đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam đến năm 2030	2021		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 96/TTr-BTNMT ngày 24/12/2021
230	Đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2021			x					Bộ TNMT	
231	Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025	2021		x						Bộ TNMT	Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021
232	Đề án đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia	2021		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 42/TTr-BTNMT ngày 11/8/2021



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành			
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ							
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
233	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	2021							x		Bộ TNMT	Nghiên cứu tích hợp lồng ghép vào Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời xem xét lại tên gọi cho phù hợp (theo Nghị quyết số 21-NQ/BCSĐTNMT)
234	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2022				x					Bộ TNMT	
235	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040	2021			x						Bộ TNMT	Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022
236	Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040	2021			x						Bộ TNMT	Quyết định số 149/QĐ- ngày 28/01/2022
237	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định	2021-2022			x						Bộ TNMT	- Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 10/02/2022 về định

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	hướng Chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và tổng kết thực hiện Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011; xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 02/NQ-TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chiến lược khoáng sản đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050										hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - CP ban hành NQ số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 về CTHĐ của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022. - TTgCP ban hành Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023 về Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
238	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050	2021		x						Bộ TNMT	Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
239	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021			x					Bộ TNMT	
240	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022			x					Bộ TNMT	
241	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022		x						Bộ TNMT	Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023
242	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022			x					Bộ TNMT	
243	Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022			x					Bộ TNMT	
244	Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2024			x					Bộ TNMT	
245	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022		x						Bộ TNMT	Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023
246	Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất	2021			x					Bộ TNMT	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	ngập nước ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030										
247	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021		x						Bộ NNPTNT	Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023
248	Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2025	2021-2022		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 854/QĐ-TTg ngày 19/7/2022
249	Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia	2021		x						Bộ NNPTNT	QĐ số 1651/QĐ-TTG ngày 30/12/2022.
250	Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2021		x						Bộ NNPTNT	- Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022; - QĐ số 1595/QĐ-TTg ngày 23/12/2022.
X	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; thực hiện cải cách tiền lương; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo										
251	Dự án Luật Thi đua, Khen thưởng (sửa đổi)	2021-2022		x						Bộ NV	Quốc hội đã thông qua và ban hành Luật

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
252	Đề án nghiên cứu thể chế hóa nội dung giám sát, dân thụ hưởng	2021-2022		x						Bộ NV	Quyết định số 716/QĐ-BNV ngày 21/9/2022
253	Xây dựng, khai thác vận hành Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	2020-2023			x					Bộ NV	
254	Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước"	2025								Bộ NV	Chưa báo cáo do chưa đến hạn thời gian hoàn thành
255	Xây dựng và triển khai chế độ tiền lương mới	2021-2025			x					Bộ NV	Tờ trình số 129/TTr-BNV ngày 21/4/2023 và Tờ trình ngày 20/7/2023 báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái
256	Kế hoạch tổng kết phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2020 - 2025	2025		x						Bộ NV	Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022
257	Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến” giai đoạn 2021 -2025	2021		x						Bộ NV	Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 09/12/2022
258	Đề án "Đào tạo đội ngũ cán bộ cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ	2021		x						Bộ NV	Tờ trình số 599/TTr-BNV ngày 27/12/2021

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	trong phát triển bền vững khu vực biên giới đất liền"										
259	Đề án "Đào tạo đội ngũ cán bộ cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới biển"	2022		x						Bộ NV	Tờ trình số 599/TTr-BNV ngày 27/12/2021
260	Dự án Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	2022		x						Bộ NV	Quốc hội đã thông qua và ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2023
261	Đề án "Sắp xếp các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ"	2021					x			Bộ NV	Thường trực Ban Bí thư đã đồng ý tạm dừng chưa xây dựng Đề án này
262	Đề án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2022 - 2030	2022-2025		x						Bộ NV	Bộ Chính trị đã thông qua và ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
263	Dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi)	2022-2025		x						Bộ NV	Đã trình đề Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XV
264	Dự án Luật Thanh tra (sửa đổi)	Tháng 5/2022		x						TTCP	Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022
265	Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng	Tháng 11/2021		x						TTCP	Đã trình TTg và đang trong quá trình tiếp thu ý kiến của Thành viên CP để hoàn thiện ban hành
266	Đề án phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	Tháng 12/2023					x			TTCP	Đề nghị báo cáo TTg rút khỏi Chương trình
267	Đề án phát huy vai trò của xã hội trong giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính	Tháng 12/2023					x			TTCP	Đề nghị báo cáo TTg rút khỏi Chương trình
268	Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thanh tra chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính	Tháng 12/2023					x			TTCP	Đề nghị báo cáo TTg rút khỏi Chương trình
269	Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025	2021		x						Bộ TC	



TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
XI	Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước										
270	Đề án kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo	2021-2022								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
271	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội đến năm 2025	2021-2025								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
272	Đề nghị xây dựng Luật Động viên công nghiệp	2021-2022								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
273	Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng	2021-2022								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
274	Đề nghị xây dựng Luật Phòng thủ dân sự	2021-2022								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
275	Đề nghị xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	2021-2022								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
276	Đề nghị xây dựng Luật (Pháp lệnh) Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	2022-2023								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp
277	Đề nghị xây dựng Luật Phòng không nhân dân	2022-2023								Bộ QP	Báo cáo mật nên không tổng hợp

[illegible]

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
288	Chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2030	2021		x						Bộ NG	QĐ số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021
289	Đề án Phát triển quan hệ giữa Việt Nam và các nước khu vực Mỹ Latinh giai đoạn 2022 - 2026	2021-2022		x						Bộ NG	QĐ số 90/QĐ-TTg ngày 02/12/2022
290	Đề án Phát triển quan hệ Việt Nam và Liên minh châu Phi	2021		x						Bộ NG	QĐ 36/QĐ-TTg ngày 10/5/2021
291	Đề án đảm nhiệm thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023 - 2025	2022		x						Bộ NG	VPCP có vb số 197/VPCP-NC ngày 18/01/2023
292	Xây dựng và bảo vệ Báo cáo quốc gia theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV	2024			x					Bộ NG	
293	Đề án tổng kết 30 năm Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN (1995 - 2025) và phương hướng tham gia hợp tác ASEAN những năm tiếp theo	2025						x		Bộ NG	Đổi tên thành đề án về việc định hướng tham gia ASEAN của VN đến năm 2030
294	Đề án tham gia Hội đồng Chấp hành Tổ chức Năng lượng nguyên tử Quốc tế (IAEA) nhiệm kỳ 2021 - 2023	2021		x						Bộ NG	

TT	Tên Đề án/Chương trình	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
295	Đề án xây dựng cổng thông tin điện tử tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin đối ngoại	2021					x			Bộ TTTT	Văn bản số 218/BTTTT-KHTC ngày 21/01/2022 xin rút khỏi Chương trình
296	Đề án truyền thông đối ngoại về quyền con người giai đoạn 2021 -2025	2021		x						Bộ TTTT	QĐ số 1079/QĐ-TTg ngày 14/9/2022